

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2114030337	Trịnh Ngọc	Son	17/07/1995	Nam	CCQ1403E	Hà Nội	107	6.56	Khá				
2	2116030020	Huỳnh Hữu	Huy	11/01/1998	Nam	CCQ1603A	Bình Định	105	5.95	Trung Bình				
3	2116030131	Huỳnh Văn	Tre	10/01/1998	Nam	CCQ1603B	Long An	105	6.42	Trung Bình				
4	2116030138	Trần	Vinh	01/11/1997	Nam	CCQ1603B	Khánh Hòa	106	6.50	Khá				
5	2116030155	Võ Duy	Hải	20/01/1998	Nam	CCQ1603C	Đắk Lắk	105	6.54	Khá				
6	2116030164	Nguyễn Hoàng	Huy	21/01/1998	Nam	CCQ1603C	Đồng Nai	105	6.37	Trung Bình				
7	2116030269	Dụng Huy	Thiên	20/06/1997	Nam	CCQ1603D		105	6.09	Trung Bình				
8	2116030289	Nguyễn Văn	Hiếu	06/05/1998	Nam	CCQ1603E	Tiền Giang	105	6.59	Khá				
9	2117030110	Lê Thanh	Phi	25/02/1999	Nam	CCQ1703B	Bình Định	90	6.47	Khá				
10	2117030145	Nguyễn Nhật	Hào	20/04/1999	Nam	CCQ1703C	Quảng Ngãi	90	7.01	Khá				
11	2117030171	Trần Mậu	Quỳnh	18/04/1999	Nam	CCQ1703C	Nghệ An	90	6.34	Khá				
12	2117030184	Trương Hữu	Thắng	29/03/1999	Nam	CCQ1703C	Bình Thuận	90	7.14	Khá				
13	2117030260	Kiều Văn	Bằng	10/07/1997	Nam	CCQ1703E	Ninh Thuận	90	6.61	Khá				
14	2117030263	Phan Văn	Đạt	07/03/1999	Nam	CCQ1703E	Bình Phước	90	6.81	Khá				
15	2117190020	Lê Trọng	Kháng	20/05/1999	Nam	CCQ1703E	Hà Tĩnh	90	6.88	Khá				
16	2117040003	Nguyễn Duy	Cương	05/03/1999	Nam	CCQ1704A	Bình Thuận	90	7.53	Khá				
17	2117040016	Trần Hoàng	Huy	16/11/1999	Nam	CCQ1704A	TP.HCM	90	7.01	Khá				
18	2117040019	Trần Như	Khôi	05/01/1999	Nam	CCQ1704A	Quảng Ngãi	92	7.01	Khá				
19	2117140030	Hà Quốc	Thảo	02/08/1999	Nam	CCQ1714A	Bình Định	90	6.93	Khá				
20	2117140045	Trương Minh	Triết	28/07/1999	Nam	CCQ1714A	An Giang	90	7.13	Khá				
21	2117140052	Nguyễn Ngọc	Anh	13/08/1999	Nam	CCQ1714B	Thanh Hóa	90	7.03	Khá				
22	2117140073	Hoàng Văn	Huy	02/01/1997	Nam	CCQ1714B	Thanh Hóa	90	6.61	Khá				
23	2118030010	Trịnh Văn	Đức	09/08/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	6.64	Khá				
24	2118030012	Nguyễn Công	Hậu	11/03/2000	Nam	CCQ1803A	Long An	92	7.31	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118030022	Đạo Phi	Hùng	01/01/1999	Nam	CCQ1803A	Ninh Thuận	92	7.26	Khá				
26	2118030019	Trần Quang	Huy	13/11/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	6.79	Khá				
27	2118030023	Hồ Hồng	Hưng	19/03/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	7.01	Khá				
28	2118030025	Lương Tấn	Khải	16/04/2000	Nam	CCQ1803A	Bến Tre	92	7.30	Khá				
29	2118030034	Phùng Đại	Nhân	22/07/2000	Nam	CCQ1803A	Khánh Hòa	92	6.69	Khá				
30	2118030036	Nguyễn Tuấn	Phong	03/06/2000	Nam	CCQ1803A	Đồng Nai	92	7.25	Khá				
31	2118030042	Nguyễn Châu Thành	Tài	30/05/2000	Nam	CCQ1803A	Ninh Thuận	92	7.30	Khá				
32	2118030044	Tài Văn Tuấn	Thành	17/01/1999	Nam	CCQ1803A	Ninh Thuận	92	7.22	Khá				
33	2118030058	Nguyễn Tấn	Trung	18/01/2000	Nam	CCQ1803A	Long An	92	7.08	Khá				
34	2118030064	Nguyễn Thanh	Vương	26/03/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	7.58	Khá				
35	2118030089	Huỳnh Văn	Khải	16/11/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Định	92	7.07	Khá				
36	2118030101	Nguyễn Đức	Nghĩa	04/12/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Phước	92	7.06	Khá				
37	2118030341	Lê Xuân	Trường	13/12/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Định	92	7.31	Khá				
38	2118030125	Dương Chí	Tú	19/06/2000	Nam	CCQ1803B	BRVT	92	7.26	Khá				
39	2118030126	Nguyễn Thanh	Tú	31/03/2000	Nam	CCQ1803B	Tiền Giang	92	7.67	Khá				
40	2118030134	Lê Công	Bình	17/08/2000	Nam	CCQ1803C	Đồng Nai	92	6.69	Khá				
41	2118030139	Tổng Thành	Danh	23/05/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Dương	90	7.10	Khá				
42	2118030153	Võ Minh	Khang	14/09/2000	Nam	CCQ1803C	Bến Tre	92	7.63	Khá				
43	2118030161	Nguyễn Thanh	Liêu	18/12/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	6.92	Khá				
44	2118030209	Nguyễn Văn	Đô	17/03/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.05	Khá				
45	2118030223	Hồ Đình	Khải	14/06/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	6.93	Khá				
46	2118030234	Hà Đặng Hoàng	Nguyên	27/09/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.04	Khá				
47	2118030254	Bùi Văn	Trọng	20/07/2000	Nam	CCQ1803D	Quảng Ngãi	92	7.15	Khá				
48	2118030265	Đoàn Minh	Vũ	19/05/2000	Nam	CCQ1803D	Phú Yên	92	7.53	Khá				
49	2118030272	Nguyễn Văn	Điện	05/10/2000	Nam	CCQ1803E	Quảng Ngãi	92	7.68	Khá				
50	2118030281	Nguyễn Trung	Hiếu	22/10/2000	Nam	CCQ1803E	Quảng Ngãi	92	6.73	Khá				
51	2118030300	Nguyễn Vũ	Long	15/03/2000	Nam	CCQ1803E	BRVT	92	7.21	Khá				
52	2118030315	Nguyễn Xuân	Quang	12/02/2000	Nam	CCQ1803E	Đồng Nai	92	7.78	Khá				
53	2118030333	Nguyễn Minh	Tú	02/01/2000	Nam	CCQ1803E	Quảng Ngãi	92	8.09	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118040004	Lê Ngô Thanh	Chí	10/05/2000	Nam	CCQ1804A	Tiền Giang	92	7.76	Khá				
55	2118040005	Trần Văn	Chính	19/08/2000	Nam	CCQ1804A	Nghệ An	94	6.79	Khá				
56	2118040010	Nguyễn Lê Phú	Đạt	15/04/2000	Nam	CCQ1804A	Đồng Nai	92	7.24	Khá				
57	2118040016	Nguyễn Văn	Huân	26/08/1995	Nam	CCQ1804A	Ninh Bình	92	7.45	Khá				
58	2118040017	Trần Đức	Huy	01/01/2000	Nam	CCQ1804A	Ninh Bình	92	6.65	Khá				
59	2118040034	Hồ Thái	Sinh	09/05/2000	Nam	CCQ1804A	Bình Định	92	7.43	Khá				
60	2118040036	Vũ Trần	Sơn	26/03/2000	Nam	CCQ1804A	Đồng Nai	92	6.67	Khá				
61	2118040052	Bùi Quang	Trường	15/11/2000	Nam	CCQ1804A	Lâm Đồng	92	7.24	Khá				
62	2118140011	Trần Trọng	Hải	18/06/2000	Nam	CCQ1814A	Tiền Giang	92	7.30	Khá				
63	2118140018	Nguyễn Thanh	Kha	13/09/2000	Nam	CCQ1814A	TP.HCM	92	7.13	Khá				
64	2118140025	Trần Văn	Nam	01/10/1999	Nam	CCQ1814A	Quảng Ngãi	92	6.82	Khá				
65	2118140030	Trần Hoàng	Phi	18/07/2000	Nam	CCQ1814A	Long An	92	6.66	Khá				
66	2118140031	Trần Văn	Quang	28/01/2000	Nam	CCQ1814A	BRVT	92	7.50	Khá				
67	2118140032	Ngô Quốc	Quý	10/03/2000	Nam	CCQ1814A	Đồng Tháp	92	7.07	Khá				
68	2118140044	Cáp Hữu	Tiến	08/09/2000	Nam	CCQ1814A	Bình Thuận	92	6.91	Khá				
69	2118140047	Nguyễn Thiện	Tông	23/07/2000	Nam	CCQ1814A	Đồng Nai	92	7.37	Khá				
70	2118140048	Nguyễn Minh	Trí	16/10/1999	Nam	CCQ1814A	Bình Dương	92	7.19	Khá				
71	2118140050	Nguyễn Thành	Trung	05/09/2000	Nam	CCQ1814A	Tây Ninh	92	6.96	Khá				
72	2118140062	Lê Anh	Đài	03/08/2000	Nam	CCQ1814B	Tây Ninh	92	7.34	Khá				
73	2118140072	Nguyễn Văn	Hạ	21/11/2000	Nam	CCQ1814B	Nghệ An	92	7.49	Khá				
74	2118140069	Nguyễn Ngọc	Hào	14/01/2000	Nam	CCQ1814B	Bình Định	92	6.84	Khá				
75	2118140073	Hoàng Văn	Hậu	13/05/2000	Nam	CCQ1814B	Bình Thuận	92	6.40	Khá				
76	2118140077	Bùi Sĩ	Hội	03/07/2000	Nam	CCQ1814B	Phú Yên	92	7.12	Khá				
77	2118140078	Lê Quang	Huy	01/06/2000	Nam	CCQ1814B	Lâm Đồng	92	7.60	Khá				
78	2118140083	Bùi Hoàng Trung	Kiệt	24/02/2000	Nam	CCQ1814B	Quảng Ngãi	92	6.97	Khá				
79	2118140089	Nguyễn Trọng	Nghĩa	03/01/2000	Nam	CCQ1814B	Bến Tre	92	7.30	Khá				
80	2118140090	Nguyễn Lê Minh	Nhật	05/11/1999	Nam	CCQ1814B	BRVT	92	7.37	Khá				
81	2118140091	Dương Minh	Nhật	16/11/2000	Nam	CCQ1814B	Kiên Giang	94	7.81	Khá				
82	2118140097	Hồ Ngọc	Sơn	14/09/2000	Nam	CCQ1814B	Bình Định	92	7.96	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118140105	Trần Đình Toán	01/05/2000	Nam	CCQ1814B	TP.HCM	92	6.77	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116050046	Nguyễn Sỹ	Tài	20/12/1997	Nam	CCQ1605A	Hà Tĩnh	105	6.55	Khá				
2	2116050101	Đàng Minh	Huy	26/06/1995	Nam	CCQ1605B	Ninh Thuận	110	6.18	Trung Bình				
3	2116050142	Nguyễn Chí	Công	29/03/1998	Nam	CCQ1605C	Tây Ninh	107	7.34	Khá				
4	2116050168	Lê Nguyễn Duy	Thái	28/10/1998	Nam	CCQ1605C	Đồng Nai	105	5.86	Trung Bình				
5	2116150026	Hoàng Thị Tuyết	Linh	13/05/1998	Nữ	CCQ1615A	Nghệ An	107	6.04	Trung Bình				
6	2116150027	Lê Văn	Linh	10/06/1997	Nam	CCQ1615A	Quảng Ngãi	105	6.61	Khá				
7	2116180038	Nguyễn Châu Thành	Nhân	28/02/1998	Nam	CCQ1618A	Ninh Thuận	105	6.74	Khá				
8	2117050017	Nguyễn Đình	Háo	21/11/1999	Nam	CCQ1705A	Bình Định	90	6.37	Khá				
9	2117050032	Võ Văn	Minh	09/08/1999	Nam	CCQ1705A	Bình Định	90	6.43	Khá				
10	2117050051	Đoàn Văn	Thắng	18/05/1999	Nam	CCQ1705A	Ninh Thuận	90	6.19	Trung Bình				
11	2117050058	Nguyễn Thanh	Tiến	26/07/1999	Nam	CCQ1705A	Bình Định	90	6.52	Khá				
12	2117050062	Nguyễn Việt	Toán	27/08/1999	Nam	CCQ1705A	Quảng Ngãi	90	6.48	Khá				
13	2117050068	Nguyễn Văn	Tuấn	27/10/1998	Nam	CCQ1705A	Bình Thuận	90	6.40	Khá				
14	2117050088	Phan Khương	Duy	20/09/1999	Nam	CCQ1705B	Bình Thuận	90	7.11	Khá				
15	2117050099	Nguyễn Đào Trung	Hậu	24/05/1999	Nam	CCQ1705B	Tiền Giang	91	6.37	Khá				
16	2117050120	Nguyễn Văn	Nghĩa	13/10/1999	Nam	CCQ1705B	Bình Thuận	90	6.76	Khá				
17	2117050130	Nguyễn Xuân	Quang	26/08/1999	Nam	CCQ1705B	Bình Định	91	6.40	Khá				
18	2117050141	Nguyễn Huy	Thỏa	05/05/1999	Nam	CCQ1705B	Hà Tĩnh	90	6.24	Trung Bình				
19	2117050175	Bùi Phước	Hiếu	09/04/1999	Nam	CCQ1705C		90	6.36	Khá				
20	2117050183	Hán Tấn	Khánh	30/04/1999	Nam	CCQ1705C	Ninh Thuận	91	6.41	Khá				
21	2117050202	Trần Tấn	Phát	28/07/1999	Nam	CCQ1705C	Bình Định	90	6.30	Khá				
22	2117050210	Dương Minh	Tấn	24/10/1999	Nam	CCQ1705C	Phú Yên	90	6.37	Khá				
23	2117050219	Nguyễn Ngọc	Tín	28/07/1999	Nam	CCQ1705C		91	6.21	Trung Bình				
24	2117050232	Mai Tuấn	Vũ	26/09/1999	Nam	CCQ1705C	Đắk Lắk	90	6.14	Trung Bình				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117060012	Nguyễn Trung	Đạt	13/10/1999	Nam	CCQ1706A	Bình Dương	90	6.50	Khá				
26	2117060016	Lê Khánh	Hoàng	28/12/1999	Nam	CCQ1706A	Quảng Ngãi	90	6.38	Khá				
27	2117060022	Phan Quang	Khải	15/09/1999	Nam	CCQ1706A	Bình Định	90	6.79	Khá				
28	2117060026	Cao Bửu	Kỳ	04/06/1999	Nam	CCQ1706A	Bình Thuận	90	6.48	Khá				
29	2117060058	Huỳnh Quốc	Dũng	26/03/1998	Nam	CCQ1706B	Quảng Ngãi	90	6.41	Khá				
30	2117060068	Vương Sĩ	Mây	07/10/1999	Nam	CCQ1706B	Bình Phước	90	6.55	Khá				
31	2117170114	Trần Hữu	Nghĩa	13/03/1998	Nam	CCQ1706B	Bình Định	90	6.55	Khá				
32	2117060080	Đoàn Thế Thanh	Tâm	06/02/1994	Nam	CCQ1706B	Bình Định	90	6.30	Khá				
33	2117060081	Nguyễn Văn	Tân	26/09/1999	Nam	CCQ1706B	Đắk Lắk	90	6.97	Khá				
34	2117060084	Nguyễn Minh	Trí	14/06/1996	Nam	CCQ1706B	TP.HCM	90	6.93	Khá				
35	2117150030	Phạm Văn	Khang	19/09/1999	Nam	CCQ1715A	BRVT	90	7.10	Khá				
36	2117150069	Nguyễn Hữu	Triệu	20/04/1996	Nam	CCQ1715A	TP.HCM	90	6.72	Khá				
37	2117180045	Mai Thanh	Tùng	30/11/1998	Nam	CCQ1718A	Long An	90	6.48	Khá				
38	2117180095	Huỳnh Văn	Toàn	17/10/1999	Nam	CCQ1718B	Bình Định	90	6.61	Khá				
39	2117230013	Nguyễn Trần Việt	Linh	16/09/1999	Nam	CCQ1723A	Bình Định	91	6.63	Khá				
40	2118050003	Dương Hoài	Bảo	24/01/1999	Nam	CCQ1805A	Tiền Giang	92	7.26	Khá				
41	2118050019	Phạm Thái	Hùng	05/07/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Định	92	6.25	Khá				
42	2118050017	Nguyễn Nhật	Huy	19/01/2000	Nam	CCQ1805A	Khánh Hòa	92	8.03	Giỏi				
43	2118050020	Đặng Hữu	Hưng	18/06/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Định	92	7.45	Khá				
44	2118050021	Trương Thành	Kha	05/01/2000	Nam	CCQ1805A	Long An	92	6.76	Khá				
45	2118050033	Phạm Mạnh	Long	26/11/2000	Nam	CCQ1805A	TP.HCM	92	7.07	Khá				
46	2118050036	Bùi Văn	Nam	26/08/2000	Nam	CCQ1805A	Đồng Nai	92	6.89	Khá				
47	2118050040	Đàng Thiên	Phong	03/05/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Thuận	92	6.79	Khá				
48	2118050047	Bùi Trung	Thảo	28/03/2000	Nam	CCQ1805A	Long An	92	6.89	Khá				
49	2118050055	Lê Xuân	Thuận	07/07/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Định	92	7.15	Khá				
50	2118050057	Nguyễn Xuân	Tiến	04/03/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Phước	92	6.70	Khá				
51	2118050060	Nguyễn Đức	Trung	16/10/1999	Nam	CCQ1805A	Bình Thuận	92	6.41	Khá				
52	2118050064	Hứa Quảng Thanh	Tùng	08/03/2000	Nam	CCQ1805A	Ninh Thuận	92	7.34	Khá				
53	2118050067	Nguyễn Quốc	Vinh	09/07/2000	Nam	CCQ1805A	Đồng Tháp	92	6.74	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118050073	Huỳnh Quốc	Chung	06/03/2000	Nam	CCQ1805B	Bình Định	92	6.35	Khá				
55	2118050084	Vũ Thanh	Huấn	18/09/2000	Nam	CCQ1805B	Đồng Nai	92	7.42	Khá				
56	2118050090	Lê Nguyễn Quốc	Khanh	31/05/2000	Nam	CCQ1805B	Bình Định	92	7.08	Khá				
57	2118050092	Nguyễn Văn	Khánh	10/10/2000	Nam	CCQ1805B	Đồng Tháp	92	6.87	Khá				
58	2118050102	Lê Thanh	Nam	14/08/2000	Nam	CCQ1805B	Đắk Nông	92	6.32	Khá				
59	2118050111	Hồ Chí	Phong	09/05/2000	Nam	CCQ1805B	Bình Thuận	92	6.76	Khá				
60	2118050118	Nguyễn Đức	Tài	28/06/2000	Nam	CCQ1805B	BRVT	92	6.30	Khá				
61	2118050134	Trương Văn Anh	Tuấn	24/01/1999	Nam	CCQ1805B	Đồng Nai	90	6.75	Khá				
62	2118050140	Nguyễn Hoài	Anh	20/05/2000	Nam	CCQ1805C	Bình Định	92	6.90	Khá				
63	2118050152	Hoàng Minh	Đức	03/11/2000	Nam	CCQ1805C	Đồng Nai	92	7.95	Khá				
64	2118050153	Mai Văn	Hải	24/06/2000	Nam	CCQ1805C		92	6.94	Khá				
65	2118050174	Đặng Thành	Luận	02/02/2000	Nam	CCQ1805C	Bình Định	92	6.94	Khá				
66	2118050178	Từ Bùi Thứ	Nhất	20/10/2000	Nam	CCQ1805C		92	6.49	Khá				
67	2118050197	Lương Hùng	Trung	02/01/2000	Nam	CCQ1805C	Quảng Ngãi	92	7.18	Khá				
68	2118060003	Phạm Văn	Công	25/03/1999	Nam	CCQ1806A	Bình Dương	92	6.77	Khá				
69	2118060006	Trần Việt	Đạt	24/05/2000	Nam	CCQ1806A	Bình Định	92	6.68	Khá				
70	2118060010	Đỗ Cao	Hiệp	29/01/1998	Nam	CCQ1806A	Bình Thuận	92	7.01	Khá				
71	2118060019	Đậu Văn	Lợi	05/04/2000	Nam	CCQ1806A	BRVT	92	6.72	Khá				
72	2118060032	Trần Quốc	Thái	13/11/2000	Nam	CCQ1806A	BRVT	92	7.37	Khá				
73	2118060035	Hà Trường	Thọ	28/11/2000	Nam	CCQ1806A	Bình Dương	92	7.08	Khá				
74	2118060040	Phạm Thanh	Tùng	27/08/2000	Nam	CCQ1806A	Tiền Giang	92	7.39	Khá				
75	2118060041	Lê Quang	Vinh	11/07/2000	Nam	CCQ1806A	Đồng Nai	92	6.91	Khá				
76	2118060046	Nguyễn Mạnh	Cường	13/10/2000	Nam	CCQ1806B	Bến Tre	92	6.99	Khá				
77	2118060048	Lê Văn	Dũng	09/01/2000	Nam	CCQ1806B	Phú Yên	92	6.58	Khá				
78	2118060050	Mai Thanh	Giào	12/11/2000	Nam	CCQ1806B	Bến Tre	92	7.49	Khá				
79	2118060052	Lê Văn	Hiếu	23/10/1997	Nam	CCQ1806B	Ninh Thuận	92	7.62	Khá				
80	2118060060	Bùi Cao	Nguyên	04/09/2000	Nam	CCQ1806B	Quảng Ngãi	92	6.76	Khá				
81	2118060064	Võ Trung	Phong	05/07/1998	Nam	CCQ1806B	Quảng Ngãi	92	7.13	Khá				
82	2118060065	Hồ Trần	Phúc	20/12/2000	Nam	CCQ1806B	Tây Ninh	93	6.60	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118060078	Nguyễn Đức Tín	03/09/2000	Nam	CCQ1806B	Đắk Lắk	92	7.00	Khá				
84	2118060082	Nguyễn Quốc Trung	25/09/2000	Nam	CCQ1806B	Bình Định	92	6.57	Khá				
85	2118150020	Nguyễn Thanh Hải	02/04/2000	Nam	CCQ1815A	Đắk Nông	92	7.32	Khá				
86	2118150021	Đoàn Thị Thanh Hào	20/08/2000	Nữ	CCQ1815A	TP.HCM	92	7.80	Khá				
87	2118150024	Hà Minh Hiếu	16/10/2000	Nam	CCQ1815A	Đồng Nai	93	7.39	Khá				
88	2118150027	Nguyễn Bá Hội	02/06/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	90	7.16	Khá				
89	2118150040	Đặng Hữu Lợi	20/04/2000	Nam	CCQ1815A	Đồng Tháp	92	6.55	Khá				
90	2118150041	Nguyễn Văn Luyến	18/12/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Thuận	92	6.91	Khá				
91	2118150047	Nguyễn Văn Nam	04/06/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	92	6.68	Khá				
92	2118150058	Cao Anh Quốc	14/02/1995	Nam	CCQ1815A	BRVT	92	7.32	Khá				
93	2118150059	Phan Ngọc Quý	16/09/2000	Nam	CCQ1815A	Ninh Thuận	92	6.57	Khá				
94	2118150072	Võ Thành Thiên	04/03/2000	Nam	CCQ1815A	Ninh Thuận	94	7.46	Khá				
95	2118150076	Tạ Thiên Thượng	06/11/2000	Nam	CCQ1815A	BRVT	92	7.03	Khá				
96	2118150085	Lê Huỳnh Anh Tuấn	15/05/2000	Nam	CCQ1815A	Long An	92	6.73	Khá				
97	2118150088	Nguyễn Danh Vọng	02/06/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	90	7.11	Khá				
98	2118180003	Nguyễn Văn Ân	05/10/2000	Nam	CCQ1818A	Gia Lai	92	7.14	Khá				
99	2118180009	Nguyễn Nam Dương	19/03/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Thuận	92	7.01	Khá				
100	2118180010	Nguyễn Thành Đạt	24/09/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	6.67	Khá				
101	2118180024	Phan Văn Hưng	20/02/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	6.99	Khá				
102	2118180028	Huỳnh Kim Kỳ	08/09/2000	Nam	CCQ1818A	Phú Yên	92	7.64	Khá				
103	2118180029	Mai Xuân Đức	11/11/2000	Nam	CCQ1818A	Đồng Nai	92	7.62	Khá				
104	2118180032	Tạ Quốc Luật	22/12/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	6.87	Khá				
105	2118180035	Lê Minh Nguyên	11/09/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	7.31	Khá				
106	2118180041	Trần Hữu Tài	17/07/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	7.09	Khá				
107	2118180042	Nguyễn Đức Thắng	10/09/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	7.49	Khá				
108	2118180044	Trần Hoàng Trọng	15/12/2000	Nam	CCQ1818A	Tiền Giang	92	6.91	Khá				
109	2118180051	Nguyễn Thái Bảo	17/07/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Định	92	6.94	Khá				
110	2118180060	Phạm Đình Khoa	08/09/1999	Nam	CCQ1818B	Quảng Ngãi	93	6.93	Khá				
111	2118180064	Huỳnh Tấn Lực	27/04/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Định	92	7.11	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2118180065	Nguyễn Xuân Lực	22/11/2000	Nam	CCQ1818B	Quảng Ngãi	95	6.96	Khá				
113	2118180067	Nguyễn Dương Hoàng Minh	29/03/2000	Nam	CCQ1818B	Đồng Tháp	93	6.96	Khá				
114	2118180081	Hà Thanh Tuấn	20/06/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Định	92	6.74	Khá				
115	2118180080	Trần Ngọc Tuấn	10/05/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Định	92	6.86	Khá				
116	2119230002	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/05/2001	Nữ	CCQ1923A	Tiền Giang	92	6.85	Khá				
117	2119230005	Võ Thị Thu Hương	11/03/2001	Nữ	CCQ1923A	BRVT	92	7.38	Khá				
118	2119230009	Nguyễn Mai Gia Nguyên	05/08/2001	Nam	CCQ1923A	Đồng Nai	92	6.80	Khá				
119	2119230014	Nguyễn Mạnh Tâm	20/08/2001	Nam	CCQ1923A	Bình Định	92	6.69	Khá				
120	2119230015	Đặng Thị Kim Thoa	02/08/2000	Nữ	CCQ1923A	Đồng Nai	92	7.44	Khá				
121	2119230021	Nguyễn Thanh Tùng	24/03/2001	Nam	CCQ1923A	TP.HCM	92	7.42	Khá				
122	2119230020	Nguyễn Thị Phương Tuyền	10/10/2001	Nữ	CCQ1923A	Quảng Ngãi	92	8.03	Giỏi				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Da giày (DG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117070014	Hoàng Vũ Tú	Duyên	22/05/1999	Nữ	CCQ1707A	Bình Thuận	90	6.33	Khá				
2	2117070018	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	16/11/1999	Nữ	CCQ1707A	Đồng Nai	90	6.35	Khá				
3	2117070060	Lý Thị Ngân	Tuyền	06/02/1998	Nữ	CCQ1707A	Đồng Nai	90	6.43	Khá				
4	2117070084	Nguyễn Thị Ngọc	Hậu	20/02/1999	Nữ	CCQ1707B	BRVT	90	6.15	Trung Bình				
5	2118070002	Hồ Văn	Anh	20/10/2000	Nam	CCQ1807A	Bình Thuận	94	6.98	Khá				
6	2118070003	Nguyễn Thị	Cúc	06/03/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.72	Khá				
7	2118070010	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	02/08/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.91	Khá				
8	2118070015	Nguyễn Quốc	Hung	10/02/2000	Nam	CCQ1807A	Đồng Nai	94	6.86	Khá				
9	2118070016	Lê Thị Thu	Hương	22/01/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Thuận	94	7.76	Khá				
10	2118070018	Lê Thị Phong	Lan	18/09/1999	Nữ	CCQ1807A	Tây Ninh	94	7.84	Khá				
11	2118070025	Huỳnh Thị Yến	Nga	26/03/2000	Nữ	CCQ1807A	Phú Yên	94	7.40	Khá				
12	2118070023	Mai Thị Kim	Nga	02/09/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Thuận	94	7.37	Khá				
13	2118070026	Phạm Trần Thu	Ngân	02/03/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.42	Khá				
14	2118070027	Lê Thị Anh	Nhi	16/12/1999	Nữ	CCQ1807A	Đồng Nai	94	6.53	Khá				
15	2118070028	Nguyễn Thị Hiền	Nhung	12/04/2000	Nữ	CCQ1807A	BRVT	94	7.84	Khá				
16	2118070030	Trần Thị Mỹ	Nhung	13/10/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.19	Khá				
17	2118070029	Võ Thị Hồng	Nhung	28/09/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.61	Khá				
18	2118070031	Trần Thị Mỹ	Ninh	25/10/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Thuận	94	7.65	Khá				
19	2118070038	Phan Thị	Thương	16/09/1999	Nữ	CCQ1807A	Đắk Lắk	94	7.03	Khá				
20	2118070043	Hà Thị Thanh	Trúc	16/11/2000	Nữ	CCQ1807A	Đồng Nai	94	7.88	Khá				
21	2118070050	Trương Thủy Mỹ	Vân	20/03/2000	Nữ	CCQ1807A	Phú Yên	94	6.81	Khá				
22	2118070051	Tô Thị Hạnh	Vi	10/02/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.97	Khá				
23	2118070055	Nguyễn Quốc	Chí	04/02/2000	Nam	CCQ1807B	Lâm Đồng	94	7.10	Khá				
24	2118070057	Đỗ Văn	Công	18/03/2000	Nam	CCQ1807B	Thanh Hóa	94	7.53	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Da giày (DG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118070056	Mai Thị Tuyết	Công	20/07/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	7.16	Khá				
26	2118070059	Võ Thị Mỹ	Duyên	02/08/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	6.82	Khá				
27	2118070061	Trương Thị Thu	Hà	26/09/2000	Nữ	CCQ1807B	Đồng Nai	94	6.71	Khá				
28	2118070063	Phạm Thị	Hằng	10/10/2000	Nữ	CCQ1807B	Phú Yên	94	7.28	Khá				
29	2118070064	Tạ Thị Ngọc	Hân	15/09/2000	Nữ	CCQ1807B	Tiền Giang	94	7.22	Khá				
30	2118070076	Trương Thị Thùy	Ngân	06/12/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	7.51	Khá				
31	2118070078	Tô Thị Ánh	Nguyệt	06/09/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	7.41	Khá				
32	2118070083	Phan Thị Thu	Tâm	26/09/2000	Nữ	CCQ1807B	Tiền Giang	96	7.43	Khá				
33	2118070087	Nguyễn Hồng	Thị	15/05/2000	Nam	CCQ1807B	Đồng Nai	94	7.21	Khá				
34	2118070093	Trần Thảo	Trà	22/12/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	7.16	Khá				
35	2118070096	Nguyễn Thị Thu	Trâm	16/04/2000	Nữ	CCQ1807B	Đồng Nai	95	7.41	Khá				
36	2118070099	Lương Thị Hồng	Vân	06/06/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	6.92	Khá				
37	2118070101	Trương Thị Tường	Vy	01/08/2000	Nữ	CCQ1807B	Đồng Nai	94	6.70	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
 QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
 -oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA
 Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2114170107	Lê Thanh	Nam	07/10/1996	Nam	CCQ1417B	Bình Định	108	6.24	Trung Bình				
2	2115170285	Lê Minh	Trưởng	01/05/1997	Nam	CCQ1517D	Thanh Hóa	107	6.55	Khá				
3	2116170139	Trần Quốc	Thắng	10/08/1998	Nam	CCQ1617B	Lâm Đồng	105	5.71	Trung Bình				
4	2116170374	Đinh Hoàng	Tiến	15/01/1998	Nam	CCQ1617E	Bình Thuận	105	6.33	Trung Bình				
5	2116170507	Lê Văn	Phong	02/01/1998	Nam	CCQ1617G	Đắk Lắk	106	6.37	Trung Bình				
6	2116170564	Trịnh Công	Đoàn	08/06/1998	Nam	CCQ1617H	Bình Thuận	105	7.10	Khá				
7	2116170594	Võ Thanh	Quân	22/09/1997	Nam	CCQ1617H	Long An	105	6.24	Trung Bình				
8	2117170001	Phạm Trường	An	11/03/1999	Nam	CCQ1717A	Bến Tre	90	6.55	Khá				
9	2117170007	Phạm Tuấn	Dĩ	04/11/1999	Nam	CCQ1717A	Gia Lai	90	6.91	Khá				
10	2117170021	Lê Chí	Hiếu	07/09/1999	Nam	CCQ1717A	Đắk Lắk	90	6.39	Khá				
11	2117170022	Nguyễn Minh	Hiếu	31/08/1999	Nam	CCQ1717A	Bình Thuận	90	6.75	Khá				
12	2117170028	Trần Trường	Huy	01/01/1999	Nam	CCQ1717A	Bình Định	90	6.44	Khá				
13	2117170030	Nguyễn Ngọc	Hung	21/09/1999	Nam	CCQ1717A	Đắk Lắk	90	6.54	Khá				
14	2117170047	Nguyễn Ngọc	Sơn	10/06/1999	Nam	CCQ1717A	Bình Phước	90	6.48	Khá				
15	2117170071	Phạm Quan	Tứ	01/01/1999	Nam	CCQ1717A	Đồng Tháp	90	6.60	Khá				
16	2117170083	Phan Thanh	Duy	15/03/1999	Nam	CCQ1717B	Gia Lai	92	6.78	Khá				
17	2117170090	Nguyễn Hữu	Đô	20/10/1999	Nam	CCQ1717B	BRVT	90	6.79	Khá				
18	2117170154	Nguyễn Đình	Bảo	22/11/1999	Nam	CCQ1717C	Bình Định	90	6.61	Khá				
19	2117170181	Nguyễn Minh	Luật	02/01/1999	Nam	CCQ1717C	Bình Dương	90	6.83	Khá				
20	2117170209	Lê Minh	Thắng	17/05/1998	Nam	CCQ1717C	Tiền Giang	90	6.88	Khá				
21	2117170211	Phan Hữu	Thịnh	12/03/1999	Nam	CCQ1717C	Bình Định	90	6.57	Khá				
22	2117170222	Tăng Anh	Triều	01/01/1999	Nam	CCQ1717C	Kiên Giang	90	6.80	Khá				
23	2117170231	Nguyễn Ngọc	Ẩn	25/02/1999	Nam	CCQ1717D	Tiền Giang	90	6.77	Khá				
24	2117170264	Nguyễn Võ Quang	Linh	16/02/1999	Nam	CCQ1717D	Đồng Tháp	90	6.60	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117170272	Nguyễn Công	Phú	17/10/1999	Nam	CCQ1717D	Phú Yên	90	6.69	Khá				
26	2117170293	Nguyễn Văn	Tiến	26/02/1999	Nam	CCQ1717D	Bình Định	90	6.48	Khá				
27	2117170326	Lê Tiến	Hòa	15/09/1999	Nam	CCQ1717E	Tiền Giang	92	6.56	Khá				
28	2117170341	Phạm Thanh	Long	29/05/1999	Nam	CCQ1717E	Bến Tre	90	6.79	Khá				
29	2117170356	Phan Anh	Phú	20/01/1999	Nam	CCQ1717E	Bình Định	90	6.54	Khá				
30	2117170360	Võ Trọng	Sang	29/10/1999	Nam	CCQ1717E	Bình Thuận	90	6.75	Khá				
31	2117170418	Lê	Khải	15/05/1999	Nam	CCQ1717F	Đồng Nai	90	6.76	Khá				
32	2117170466	Huỳnh Văn	Bảo	13/10/1999	Nam	CCQ1717G	Tiền Giang	90	6.78	Khá				
33	2117170473	Nguyễn Đức	Duy	10/04/1999	Nam	CCQ1717G	Bình Thuận	90	6.41	Khá				
34	2117170477	Nguyễn Khắc	Điệp	26/03/1999	Nam	CCQ1717G	Bình Định	90	6.56	Khá				
35	2117170500	Trần Văn	Luân	06/11/1998	Nam	CCQ1717G	Bình Định	90	6.67	Khá				
36	2117170512	Nguyễn Lê Đức	Phúc	18/03/1999	Nam	CCQ1717G	Bình Thuận	90	6.37	Khá				
37	2117170547	Phạm Đình	Duy	03/06/1999	Nam	CCQ1717H	BRVT	90	7.28	Khá				
38	2117170553	Phạm Thành	Đạt	07/03/1999	Nam	CCQ1717H	Phú Yên	90	6.65	Khá				
39	2117170610	Võ Phạm Duy	Anh	10/09/1999	Nam	CCQ1717I	Bình Định	90	7.60	Khá				
40	2117170650	Võ Văn	Nhật	05/11/1999	Nam	CCQ1717I	Bình Định	90	6.60	Khá				
41	2117170656	Trần Anh	Quốc	10/02/1999	Nam	CCQ1717I	Bình Định	90	6.49	Khá				
42	2117170667	Lê Thiện	Tâm	23/04/1999	Nam	CCQ1717I	BRVT	90	6.35	Khá				
43	2118170001	Lâm Thanh	An	17/01/2000	Nam	CCQ1817A	Đồng Nai	92	6.83	Khá				
44	2118170008	Nguyễn Ngọc	Danh	15/09/2000	Nam	CCQ1817A	Phú Yên	92	8.08	Giỏi				
45	2118170012	Ngô Anh	Dũng	25/06/2000	Nam	CCQ1817A	Phú Yên	92	8.11	Giỏi				
46	2118170026	Nguyễn Phúc	Hậu	16/04/2000	Nam	CCQ1817A	Bến Tre	92	7.33	Khá				
47	2118170028	Nguyễn Đức	Hiếu	26/05/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Thuận	92	7.18	Khá				
48	2118170035	Nguyễn Ngọc	Khánh	20/07/2000	Nam	CCQ1817A	Quảng Ngãi	92	6.97	Khá				
49	2118170037	Trần Đăng	Khoa	16/06/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Định	92	7.10	Khá				
50	2118170041	Lê Văn	Lâm	21/01/2000	Nam	CCQ1817A	Ninh Thuận	92	6.79	Khá				
51	2118170040	Võ Hoài	Lâm	11/12/2000	Nam	CCQ1817A	Trà Vinh	94	6.93	Khá				
52	2118170052	Đào Đức	Phổ	15/04/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Định	94	6.22	Trung Bình				
53	2118170054	Nguyễn Tấn	Phước	05/03/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Thuận	92	7.81	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118170063	Bùi Đức	Thịnh	14/03/2000	Nam	CCQ1817A	Ninh Thuận	92	7.65	Khá				
55	2118170065	Nguyễn Quốc	Thống	01/01/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Thuận	92	6.92	Khá				
56	2118170070	Nguyễn Văn	Trị	03/11/2000	Nam	CCQ1817A	Quảng Ngãi	94	7.99	Khá				
57	2118170074	Nguyễn Minh	Tuấn	22/06/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Định	92	6.57	Khá				
58	2118170092	Võ Kế	Đại	20/11/2000	Nam	CCQ1817B	Bình Định	92	7.20	Khá				
59	2118170121	Nguyễn Đức	Nguyên	05/10/2000	Nam	CCQ1817B	Kon Tum	92	6.77	Khá				
60	2118170129	Nguyễn Trung	Quân	26/06/2000	Nam	CCQ1817B	Tây Ninh	92	6.79	Khá				
61	2118170134	Nguyễn Duy	Tân	22/10/2000	Nam	CCQ1817B	BRVT	92	6.33	Khá				
62	2118170150	Nguyễn Phước	Vinh	06/04/2000	Nam	CCQ1817B	An Giang	92	7.56	Khá				
63	2118170160	Nguyễn Dương	Bình	21/12/1999	Nam	CCQ1817C	Tây Ninh	92	6.75	Khá				
64	2118170161	Trần Thanh	Bình	04/02/2000	Nam	CCQ1817C	Long An	92	6.86	Khá				
65	2118170175	Nguyễn Trọng	Hải	17/06/2000	Nam	CCQ1817C	Đồng Nai	92	6.73	Khá				
66	2118170173	Lý Nhật	Hào	20/08/2000	Nam	CCQ1817C	Bình Định	94	6.84	Khá				
67	2118170185	Mai Phước	Hòa	15/02/2000	Nam	CCQ1817C	An Giang	92	8.16	Giỏi				
68	2118170195	Nguyễn Tấn	Lịch	13/07/2000	Nam	CCQ1817C	Phú Yên	92	6.97	Khá				
69	2118170206	Huỳnh Thanh	Sang	29/05/2000	Nam	CCQ1817C	Tiền Giang	92	6.99	Khá				
70	2118170213	Bùi Quang	Thông	27/06/2000	Nam	CCQ1817C	Bình Định	92	7.40	Khá				
71	2118170215	Nông Thanh	Thùy	12/01/2000	Nam	CCQ1817C	Đồng Nai	92	6.83	Khá				
72	2118170236	Phan Thanh	Chiến	05/11/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Thuận	92	6.87	Khá				
73	2118170242	Lý Công	Danh	18/04/2000	Nam	CCQ1817D	BRVT	92	7.26	Khá				
74	2118170248	Võ Thành	Đạt	29/12/1999	Nam	CCQ1817D	Kiên Giang	92	7.16	Khá				
75	2118170250	Phan Công	Hào	30/05/2000	Nam	CCQ1817D	Gia Lai	92	7.12	Khá				
76	2118170252	Nguyễn Thanh	Hậu	15/01/2000	Nam	CCQ1817D	Long An	92	7.35	Khá				
77	2118170259	Nguyễn Quốc	Huy	19/12/2000	Nam	CCQ1817D	TP.HCM	92	7.11	Khá				
78	2118170262	Đinh Quang	Hung	02/01/2000	Nam	CCQ1817D	Lâm Đồng	92	7.06	Khá				
79	2118170270	Nguyễn Thanh	Nhã	20/10/2000	Nam	CCQ1817D	Đắk Lắk	92	6.97	Khá				
80	2118170278	Võ Tô Tấn	Phúc	24/06/2000	Nam	CCQ1817D	Sóc Trăng	92	7.53	Khá				
81	2118170291	Đinh Đức	Thắng	14/04/2000	Nam	CCQ1817D	Đồng Nai	92	6.82	Khá				
82	2118170298	Huỳnh Kim	Tín	01/01/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	7.55	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118170303	Phan Thanh Tuấn	06/05/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	7.51	Khá				
84	2118170309	Dương Văn Vỹ	27/07/2000	Nam	CCQ1817D	Phú Yên	92	8.24	Khá				
85	2118170238	Nguyễn Tấn Công	29/01/2000	Nam	CCQ1817E	Quảng Ngãi	92	7.51	Khá				
86	2118170320	Lê Văn Dũng	02/03/1999	Nam	CCQ1817E	BRVT	92	6.93	Khá				
87	2118170319	Nguyễn Mạnh Duy	08/11/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Định	92	7.09	Khá				
88	2118170326	Nguyễn Văn Nhật Đông	23/07/2000	Nam	CCQ1817E	Tây Ninh	92	7.69	Khá				
89	2118170328	Trần Văn Đức	20/04/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Định	92	7.67	Khá				
90	2118170329	Đỗ Thành Giang	12/01/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Thuận	92	7.52	Khá				
91	2118170337	Lê Công Khánh Hoàng	10/12/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Thuận	92	6.85	Khá				
92	2118170343	Nguyễn Văn Khánh	06/10/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Thuận	92	7.99	Khá				
93	2118170356	Lê Tấn Lực	05/04/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Định	92	7.40	Khá				
94	2118170354	Nguyễn Tấn Lượng	17/05/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Định	92	7.86	Khá				
95	2118170359	Lê Hữu Nghĩa	07/12/2000	Nam	CCQ1817E	Đồng Nai	92	6.66	Khá				
96	2118170365	Nguyễn Thanh Phong	25/01/2000	Nam	CCQ1817E	Tiền Giang	92	7.25	Khá				
97	2118170374	Nguyễn Hữu Thiên	28/08/2000	Nam	CCQ1817E	Tiền Giang	92	6.97	Khá				
98	2118170382	Lê Phú Vinh	19/11/2000	Nam	CCQ1817E	Bến Tre	92	8.13	Giỏi				
99	2118170385	Trần Thái Xuyên	26/03/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Định	92	6.84	Khá				
100	2118170386	Nguyễn Xuân An	10/11/2000	Nam	CCQ1817F	BRVT	92	7.10	Khá				
101	2118170404	Phạm Văn Hiếu	25/07/2000	Nam	CCQ1817F	Đắk Lắk	92	6.97	Khá				
102	2118170407	Ngô Đình Bảo Hòa	09/02/2000	Nam	CCQ1817F	Bình Thuận	92	7.94	Khá				
103	2118170422	Lê Quân Lực	21/12/2000	Nam	CCQ1817F	Đắk Lắk	92	7.08	Khá				
104	2118170426	Nguyễn Hoàng Phát	08/11/2000	Nam	CCQ1817F	Quảng Ngãi	92	6.72	Khá				
105	2118170438	Nguyễn Văn Sỹ	08/11/2000	Nam	CCQ1817F	Bình Định	92	7.18	Khá				
106	2118170439	Đặng Hữu Anh Tài	01/12/2000	Nam	CCQ1817F	Bình Thuận	92	7.42	Khá				
107	2118170455	Võ Nhật Trường	18/06/2000	Nam	CCQ1817F	Phú Yên	100	7.40	Khá				
108	2118170467	Bùi Khánh Duy	03/03/2000	Nam	CCQ1817G	Ninh Thuận	92	7.07	Khá				
109	2118170479	Đỗ Ngọc Khanh	20/10/2000	Nam	CCQ1817G	Bình Phước	92	6.93	Khá				
110	2118170494	Nguyễn Công Nhu	22/09/2000	Nam	CCQ1817G	Bình Định	92	6.49	Khá				
111	2118170497	Huỳnh Văn Tấn Phát	11/08/2000	Nam	CCQ1817G	Tiền Giang	92	6.92	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2118170499	Đặng Hồng	Phong	25/11/2000	Nam	CCQ1817G	Bình Định	92	8.08	Giỏi				
113	2118170503	Trần Hoài	Phúc	11/11/2000	Nam	CCQ1817G	Ninh Thuận	92	7.40	Khá				
114	2118170513	Nguyễn Văn	Thạch	15/08/1999	Nam	CCQ1817G	Quảng Ngãi	92	6.75	Khá				
115	2118170512	Lê Văn	Thao	18/03/2000	Nam	CCQ1817G	Bình Định	92	8.43	Giỏi				
116	2118170518	Trần Văn	Thọ	10/06/2000	Nam	CCQ1817G	Bình Định	92	7.54	Khá				
117	2118170520	Huỳnh Chí	Thương	01/02/2000	Nam	CCQ1817G	Cà Mau	92	7.16	Khá				
118	2118170536	Kiều Bảo	Ty	20/02/2000	Nam	CCQ1817G	Bình Định	92	6.71	Khá				
119	2118170546	Võ Duy	Chương	15/03/1999	Nam	CCQ1817H	Quảng Ngãi	92	7.48	Khá				
120	2118170566	Phạm Công	Hung	12/09/2000	Nam	CCQ1817H	Đắk Lắk	92	7.33	Khá				
121	2118170574	Tạ Đình	Luân	10/01/2000	Nam	CCQ1817H	Bình Định	92	7.39	Khá				
122	2118170580	Lê Bảo	Nguyên	01/07/1999	Nam	CCQ1817H	Phú Yên	92	6.98	Khá				
123	2118170587	Lê Trần Gia	Phong	13/11/2000	Nam	CCQ1817H	Gia Lai	92	7.16	Khá				
124	2118170592	Lý Kiến	Quốc	17/11/2000	Nam	CCQ1817H	Bình Thuận	92	7.51	Khá				
125	2118170603	Lê Minh	Thiên	28/07/2000	Nam	CCQ1817H	Phú Yên	92	6.89	Khá				
126	2118170604	Nguyễn Hoàng Thanh	Thứ	22/12/2000	Nam	CCQ1817H	Bình Định	94	6.74	Khá				
127	2118170615	Trần Quốc	Bảo	03/10/2000	Nam	CCQ1817I	Phú Yên	92	6.92	Khá				
128	2118170628	Dương Nhật	Đông	10/08/2000	Nam	CCQ1817I	Đồng Tháp	92	6.73	Khá				
129	2118170644	Trần Dương	Nam	03/09/2000	Nam	CCQ1817I	Bình Định	92	6.49	Khá				
130	2118170659	Đoàn Văn	Sáng	21/12/2000	Nam	CCQ1817I	Bình Định	92	6.78	Khá				
131	2118170677	Hồ Tấn	Trung	15/08/2000	Nam	CCQ1817I	Quảng Ngãi	92	7.02	Khá				
132	2118170681	Phan Văn	Trường	20/04/2000	Nam	CCQ1817I	Kiên Giang	92	6.79	Khá				
133	2118170682	Nguyễn Anh	Tuấn	12/10/2000	Nam	CCQ1817I	Phú Yên	92	7.15	Khá				
134	2118170687	Phạm Bảo	Việt	31/08/2000	Nam	CCQ1817I	Đắk Lắk	92	7.26	Khá				
135	2118170694	Nguyễn Quang	Chiến	10/12/2000	Nam	CCQ1817J	Đắk Lắk	92	6.83	Khá				
136	2118170699	Nguyễn Tấn	Dùng	22/06/2000	Nam	CCQ1817J	TP.HCM	92	7.58	Khá				
137	2118170697	Nguyễn Quang	Duy	06/06/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	6.85	Khá				
138	2118170705	Trần Xuân	Hào	06/01/2000	Nam	CCQ1817J	Phú Yên	92	6.80	Khá				
139	2118170707	Nguyễn Trường	Hận	16/09/2000	Nam	CCQ1817J	Quảng Ngãi	92	7.15	Khá				
140	2118170715	Thái Đăng	Lộc	12/07/1999	Nam	CCQ1817J	TP.HCM	92	7.51	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
141	2118170726	Nguyễn Quốc	Quân	28/05/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Thuận	92	6.77	Khá				
142	2118170731	Lê Thế	Tài	23/01/1999	Nam	CCQ1817J	Bình Phước	92	6.89	Khá				
143	2118170730	Nguyễn Tấn	Tài	01/04/2000	Nam	CCQ1817J	Quảng Bình	92	8.10	Khá				
144	2118170734	Hà Minh	Thành	25/11/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	6.71	Khá				
145	2118170740	Huỳnh Thanh	Thiện	18/03/2000	Nam	CCQ1817J	An Giang	92	7.36	Khá				
146	2118170744	Nguyễn Việt	Thịnh	25/03/2000	Nam	CCQ1817J	BRVT	92	7.18	Khá				
147	2118170747	Trương Quang	Thuận	19/07/2000	Nam	CCQ1817J	Gia Lai	92	7.15	Khá				
148	2118170749	Vũ Văn	Tiến	01/02/2000	Nam	CCQ1817J	Đồng Nai	92	7.36	Khá				
149	2118170750	Nguyễn Văn	Toán	16/02/2000	Nam	CCQ1817J	Đắk Nông	92	8.13	Giỏi				
150	2118170752	Phạm Lê Khánh	Trình	25/08/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	7.07	Khá				
151	2118170754	Lê Tấn	Trung	12/10/2000	Nam	CCQ1817J	Quảng Ngãi	92	7.22	Khá				
152	2118170755	Nguyễn Thanh	Trung	16/10/2000	Nam	CCQ1817J	TP.HCM	92	7.18	Khá				
153	2118170758	Phan Anh	Tú	25/04/2000	Nam	CCQ1817J	Đắk Lắk	92	7.34	Khá				
154	2118170760	Trần Ngọc	Tướng	22/07/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	6.97	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116130029	Huỳnh Thị Thúy	Nga	15/09/1998	Nữ	CCQ1613A	Bình Định	108	6.72	Khá				
2	2116130115	Nguyễn Thị Tổ	Quyên	18/02/1998	Nữ	CCQ1613B	Tiền Giang	105	7.11	Khá				
3	2116130242	Nguyễn Thị Diễm	Nguyên	15/06/1998	Nữ	CCQ1613D	Đồng Nai	105	6.47	Trung Bình				
4	2116130433	Lò Thị Cẩm	Huyền	04/02/1997	Nữ	CCQ1613G	Bình Phước	109	6.92	Khá				
5	2116130434	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/04/1998	Nữ	CCQ1613G	Bình Định	109	6.68	Khá				
6	2117010004	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	04/10/1999	Nữ	CCQ1701A	Ninh Thuận	90	6.22	Trung Bình				
7	2117130097	Phạm Thị Ái	Loan	28/08/1999	Nữ	CCQ1713B	Bình Thuận	90	6.54	Khá				
8	2117130106	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20/06/1999	Nữ	CCQ1713B	Bình Định	90	6.71	Khá				
9	2117130161	Sử Thị Yến	Ly	02/09/1999	Nữ	CCQ1713C	Bình Định	90	6.75	Khá				
10	2117130178	Nguyễn Trần Thu	Phương	08/07/1999	Nữ	CCQ1713C	BRVT	90	6.27	Khá				
11	2117130187	Nguyễn Thị	Thị	26/07/1999	Nữ	CCQ1713C	Tiền Giang	90	6.20	Trung Bình				
12	2117130188	Võ Minh	Thiện	15/10/1999	Nam	CCQ1713C	Bình Định	90	7.06	Khá				
13	2117130210	Phạm Thị Kiều	Diễm	30/01/1999	Nữ	CCQ1713D	Đắk Lắk	90	6.14	Trung Bình				
14	2117130217	Nguyễn Văn	Hải	01/02/1999	Nam	CCQ1713D	Đồng Nai	90	6.08	Trung Bình				
15	2117130246	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	31/08/1999	Nữ	CCQ1713D	Bình Định	90	6.32	Khá				
16	2117130252	Đỗ Thị Bé	Thúy	10/07/1998	Nữ	CCQ1713D	Long An	90	6.31	Khá				
17	2117130286	Nguyễn Thị	Hoa	28/01/1999	Nữ	CCQ1713E	Đồng Nai	90	6.38	Khá				
18	2117130289	Lý Thị	Huyền	08/09/1999	Nữ	CCQ1713E	Đồng Nai	90	7.29	Khá				
19	2117130296	Lê Thị	Ly	14/02/1998	Nữ	CCQ1713E	Đắk Lắk	91	6.94	Khá				
20	2117130301	Lê Thị	Ngà	01/03/1999	Nữ	CCQ1713E	Đồng Nai	90	6.66	Khá				
21	2117130307	Phan Sỹ	Phú	10/06/1998	Nữ	CCQ1713E	Đắk Lắk	90	7.43	Khá				
22	2117130336	Võ Xuân	Văn	15/09/1998	Nam	CCQ1713E	Bến Tre	90	6.34	Khá				
23	2117130360	Đặng Thị Thúy	Huỳnh	12/07/1999	Nữ	CCQ1713F	Long An	90	6.64	Khá				
24	2117130401	Ka	Út	13/09/1999	Nữ	CCQ1713F	Lâm Đồng	90	6.50	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118010002	Nguyễn Thị Lụa	29/09/2000	Nữ	CCQ1801A	Ninh Thuận	92	6.76	Khá				
26	2118010005	Bùi Nguyễn Phương Nhi	05/07/2000	Nữ	CCQ1801A	Khánh Hòa	92	7.67	Khá				
27	2118010006	Nguyễn Thị Ninh	23/02/2000	Nữ	CCQ1801A	Hải Dương	92	6.51	Khá				
28	2118010007	Dương Thị Kiều Oanh	25/02/2000	Nữ	CCQ1801A	Quảng Trị	92	6.94	Khá				
29	2118010010	Đỗ Thị Thắm	01/08/2000	Nữ	CCQ1801A	Phú Yên	92	7.13	Khá				
30	2118010012	Ngô Thị Huyền Trang	02/03/2000	Nữ	CCQ1801A	Nghệ An	92	7.73	Khá				
31	2118130002	Bùi Thị Anh	24/08/1998	Nữ	CCQ1813A	Bình Thuận	92	6.60	Khá				
32	2118130005	Nguyễn Thị Cúc	23/02/2000	Nữ	CCQ1813A	Đồng Nai	92	7.78	Khá				
33	2118130006	Nguyễn Thu Cúc	20/04/2000	Nữ	CCQ1813A	Đồng Nai	92	8.05	Khá				
34	2118130007	Doãn Thị Diễm	10/01/2000	Nữ	CCQ1813A	Quảng Nam	92	8.29	Khá				
35	2118130008	Lâm Thị Dung	14/08/2000	Nữ	CCQ1813A	Lâm Đồng	92	7.57	Khá				
36	2118130016	Nguyễn Thị Hường	30/04/2000	Nữ	CCQ1813A	Thái Bình	92	6.92	Khá				
37	2118130017	Hoàng Thị Ngọc Khánh	11/12/2000	Nữ	CCQ1813A	Đắk Lắk	92	7.26	Khá				
38	2118130018	Nguyễn Thị Mỹ Liên	04/05/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Định	92	7.15	Khá				
39	2118130020	Trần Thị Mai	05/05/2000	Nữ	CCQ1813A	Đắk Lắk	92	6.94	Khá				
40	2118130028	Trịnh Thị Thanh Nhung	08/06/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Thuận	92	7.30	Khá				
41	2118130031	Nguyễn Thị Việt Nữ	08/07/1999	Nữ	CCQ1813A	TP.HCM	92	6.69	Khá				
42	2118130038	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	09/10/2000	Nữ	CCQ1813A	Nam Định	92	7.87	Khá				
43	2118130040	Nguyễn Thị Bé Tâm	16/11/2000	Nữ	CCQ1813A	Bến Tre	92	7.08	Khá				
44	2118130047	Nguyễn Đình Thu Thủy	15/03/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Phước	92	7.35	Khá				
45	2118130049	Trần Thị Thanh Thúy	03/07/2000	Nữ	CCQ1813A	Đắk Lắk	92	7.69	Khá				
46	2118130051	Phùng Ngọc Minh Thư	07/07/2000	Nữ	CCQ1813A	Long An	92	8.18	Giỏi				
47	2118130053	Nguyễn Thị Cẩm Ti	01/01/2000	Nữ	CCQ1813A	Quảng Nam	92	7.31	Khá				
48	2118130060	Nguyễn Thị Yến	28/10/2000	Nữ	CCQ1813A	Quảng Nam	92	7.81	Khá				
49	2118130063	Nguyễn Thị Lan Anh	12/11/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Phước	92	6.73	Khá				
50	2118130078	Trần Thị Hường	22/06/2000	Nữ	CCQ1813B	Ninh Bình	92	7.25	Khá				
51	2118130080	Võ Thị Bích Lệ	21/03/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Định	92	7.65	Khá				
52	2118130081	Trần Thị Kim Liên	09/09/2000	Nữ	CCQ1813B	Phú Yên	92	7.24	Khá				
53	2118130094	Nông Thị Thúy Nhung	07/10/2000	Nữ	CCQ1813B	Đồng Nai	92	7.35	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118130095	Thái Diệu	Như	10/02/2000	Nữ	CCQ1813B	Bến Tre	92	7.50	Khá				
55	2118130099	Lê Thị Thảo	Quyên	30/08/2000	Nữ	CCQ1813B	Tây Ninh	92	6.96	Khá				
56	2118130100	Lê Thị Ánh	Sang	15/08/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Thuận	92	6.84	Khá				
57	2118130103	Nguyễn Lê Thụy	Thanh	16/09/2000	Nữ	CCQ1813B	Tây Ninh	92	6.72	Khá				
58	2118130104	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/11/2000	Nữ	CCQ1813B	Đồng Nai	92	7.70	Khá				
59	2118130106	Lão Thị Kim	Thoại	26/12/2000	Nữ	CCQ1813B	Long An	92	7.34	Khá				
60	2118130110	Quách Ngọc Phương	Thy	03/01/2000	Nữ	CCQ1813B	Tiền Giang	92	7.36	Khá				
61	2118130116	Lê Thị Kim	Trình	29/10/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Định	92	6.92	Khá				
62	2118130117	Trần Thị Cẩm	Tú	30/05/2000	Nữ	CCQ1813B	Bến Tre	92	7.32	Khá				
63	2118130118	Lê Thị Hoàng	Uyên	13/05/2000	Nữ	CCQ1813B	BRVT	92	6.73	Khá				
64	2118130124	Nguyễn Như	Bình	04/12/2000	Nữ	CCQ1813C	TP.HCM	92	6.67	Khá				
65	2118130127	Nguyễn Thị	Dung	24/02/1999	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.65	Khá				
66	2118130136	Đỗ Thị Thu	Hương	27/02/2000	Nữ	CCQ1813C	BRVT	92	7.11	Khá				
67	2118130137	Nguyễn Thị	Lệ	06/10/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.66	Khá				
68	2118130139	Nguyễn Thị Kim	Loan	04/11/2000	Nữ	CCQ1813C	Đồng Nai	92	7.93	Khá				
69	2118130141	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	25/07/2000	Nữ	CCQ1813C	BRVT	94	6.95	Khá				
70	2118130150	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	02/09/2000	Nữ	CCQ1813C	Ninh Thuận	92	6.92	Khá				
71	2118130151	Nguyễn Thị Thảo	Phương	25/08/2000	Nữ	CCQ1813C	Đồng Nai	92	7.70	Khá				
72	2118130168	Lê Duy	Tiên	26/02/2000	Nam	CCQ1813C	Tây Ninh	92	6.95	Khá				
73	2118130169	Trịnh Thị Mỹ	Tiên	07/05/2000	Nữ	CCQ1813C	Long An	92	7.30	Khá				
74	2118130172	La Thị	Trang	02/11/1999	Nữ	CCQ1813C	Thanh Hóa	92	6.90	Khá				
75	2118130175	Lê Ngọc	Trình	01/11/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.54	Khá				
76	2118130184	Nguyễn Thị Kim	Bích	28/02/2000	Nữ	CCQ1813D	Phú Yên	92	6.86	Khá				
77	2118130188	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	19/06/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	95	6.96	Khá				
78	2118130193	Trương Thị Mỹ	Hạnh	30/05/2000	Nữ	CCQ1813D	Đồng Nai	92	7.38	Khá				
79	2118130194	Nguyễn Thị	Hằng	25/11/2000	Nữ	CCQ1813D	Thanh Hóa	92	7.16	Khá				
80	2118130198	Phạm Thị Hoa	Hồng	16/03/1999	Nữ	CCQ1813D	Ninh Thuận	92	7.44	Khá				
81	2118130201	Lê Thanh	Huyền	12/08/2000	Nữ	CCQ1813D	Quảng Ngãi	92	7.23	Khá				
82	2118130212	Chu Thị Kim	Ngân	19/02/2000	Nữ	CCQ1813D	Đồng Nai	92	6.63	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118130213	Ngô Nguyễn Huyền Nhi	09/10/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	7.19	Khá				
84	2118130214	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/09/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Thuận	93	6.88	Khá				
85	2118130221	Trần Thị Trúc Thanh	02/06/2000	Nữ	CCQ1813D	Bến Tre	92	7.32	Khá				
86	2118130223	Nguyễn Thị Ngọc Thiện	10/08/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	6.99	Khá				
87	2118130231	Hồ Thị Nhã Trinh	11/05/2000	Nữ	CCQ1813D	Long An	92	6.86	Khá				
88	2118130233	Cao Thị Thu Trúc	16/07/2000	Nữ	CCQ1813D	Phú Yên	92	7.49	Khá				
89	2118130241	Lê Thị Như Ý	22/12/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	6.62	Khá				
90	2118130242	Ngô Thị Minh Anh	19/02/2000	Nữ	CCQ1813E	Quảng Ngãi	92	6.91	Khá				
91	2118130247	Nguyễn Thị Dung	29/04/2000	Nữ	CCQ1813E	Hà Nội	92	7.80	Khá				
92	2118130250	Nguyễn Ngọc Hằng	13/11/2000	Nữ	CCQ1813E	Đồng Nai	92	7.18	Khá				
93	2118130251	Phạm Thị Bảo Hân	09/10/2000	Nữ	CCQ1813E	Ninh Thuận	92	7.70	Khá				
94	2118130260	Lê Thị Hoan	14/08/2000	Nữ	CCQ1813E	Lâm Đồng	92	7.65	Khá				
95	2118130263	Nguyễn Thị Tố Nga	25/01/2000	Nữ	CCQ1813E	Quảng Trị	92	7.50	Khá				
96	2118130269	Trương Ngọc Nhi	28/02/2000	Nữ	CCQ1813E	Kiên Giang	92	8.08	Giỏi				
97	2118130276	Hồ Thị Lan Phương	03/12/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Định	92	6.80	Khá				
98	2118130281	Lê Thị Thu Thảo	15/06/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Thuận	92	6.77	Khá				
99	2118130280	Nguyễn Đình Phương Thảo	01/02/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Định	92	7.13	Khá				
100	2118130282	Trần Thị Thắm	03/04/1998	Nữ	CCQ1813E	Đắk Lắk	92	6.81	Khá				
101	2118130283	Lê Thị Thu Thủy	25/08/2000	Nữ	CCQ1813E	Đồng Nai	92	8.07	Khá				
102	2118130284	Nguyễn Thị Anh Thư	27/11/2000	Nữ	CCQ1813E	Quảng Ngãi	92	7.84	Khá				
103	2118130286	Trần Lê Quỳnh Thư	23/10/2000	Nữ	CCQ1813E	BRVT	92	7.27	Khá				
104	2118130291	Trần Thị Thu Trang	04/04/2000	Nữ	CCQ1813E	Tây Ninh	92	7.33	Khá				
105	2118130293	Lê Thị Hương Trâm	15/04/2000	Nữ	CCQ1813E	Tiền Giang	92	7.37	Khá				
106	2118130292	Hồ Huỳnh Trân	08/09/2000	Nữ	CCQ1813E	Tiền Giang	92	7.28	Khá				
107	2118130295	Nguyễn Đặng Thanh Trúc	10/01/2000	Nữ	CCQ1813E	Tây Ninh	92	6.74	Khá				
108	2118130298	Nguyễn Thị Thúy Vân	10/07/2000	Nữ	CCQ1813E	Phú Yên	92	7.12	Khá				
109	2118130301	Nguyễn Hải Yến	01/08/2000	Nữ	CCQ1813E	Bến Tre	92	7.10	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
-----	-------	--------------	-----------	------	--------	----------	---------	-------	----------	-------------	----------	-----------	--------

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116210156	Nguyễn Quang	Huy	02/01/1998	Nam	CCQ1621C	Đồng Nai	111	6.57	Khá				
2	2116210372	Nguyễn Việt	Hoàng	11/09/1998	Nam	CCQ1621F	Lâm Đồng	107	6.49	Trung Bình				
3	2116210404	Nguyễn Văn	Thuận	09/04/1997	Nam	CCQ1621F	Kon Tum	105	6.21	Trung Bình				
4	2117090008	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	20/04/1999	Nữ	CCQ1709A	Bình Định	92	6.44	Khá				
5	2117160004	Nguyễn Minh	Đức	12/06/1999	Nam	CCQ1716A	Bình Định	90	6.85	Khá				
6	2117160021	Nguyễn Minh	Tú	01/01/1996	Nam	CCQ1716A	Sóc Trăng	90	6.53	Khá				
7	2117210027	Đoàn Thị Mỹ	Lê	07/01/1999	Nữ	CCQ1721A	Bình Định	91	7.41	Khá				
8	2117210179	Đào Thị	Kiều	10/05/1999	Nữ	CCQ1721C	Bình Định	91	6.78	Khá				
9	2117210236	Đỗ Ngọc	Ân	07/12/1999	Nữ	CCQ1721D	TP.HCM	90	7.07	Khá				
10	2118160013	Nguyễn Thị Thu	Hương	16/03/2000	Nữ	CCQ1809A	Tiền Giang	93	8.14	Giỏi				
11	2118160014	Đoàn Thị Ghi	Lan	25/11/2000	Nữ	CCQ1809A	Tiền Giang	93	7.67	Khá				
12	2118160021	Nguyễn Quỳnh	Như	11/01/2000	Nữ	CCQ1809A	Phú Yên	94	7.69	Khá				
13	2118160001	Đào Nhật	An	06/11/2000	Nam	CCQ1816A	Tiền Giang	93	7.54	Khá				
14	2118160007	Đinh Thị Mỹ	Duyên	20/10/2000	Nữ	CCQ1816A	Đồng Nai	93	7.67	Khá				
15	2118160012	Văn Thị	Huệ	25/04/2000	Nữ	CCQ1816A	Bình Định	93	8.04	Khá				
16	2118160018	Hồ Thị	Ly	23/03/2000	Nữ	CCQ1816A	Bình Định	93	7.50	Khá				
17	2118160027	Hà Tấn	Thành	05/02/1997	Nam	CCQ1816A	TP.HCM	92	6.55	Khá				
18	2118160028	Cao Duy Phương	Thảo	10/10/2000	Nữ	CCQ1816A	Bình Định	93	7.70	Khá				
19	2118160037	Đặng Thị Tuyết	Vy	22/08/1999	Nữ	CCQ1816A	Bến Tre	93	8.32	Khá				
20	2118210003	Lê Thị Thu	Cúc	20/10/1999	Nữ	CCQ1821A	Đồng Tháp	92	6.98	Khá				
21	2118210004	Võ Ngọc Yến	Dương	26/09/2000	Nữ	CCQ1821A	TP.HCM	92	6.95	Khá				
22	2118210005	Huỳnh Phạm Trường	Giang	19/09/2000	Nam	CCQ1821A	Tiền Giang	92	6.91	Khá				
23	2118210006	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/11/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Thuận	92	7.89	Khá				
24	2118210007	Trần Thị Ngọc	Hân	18/08/2000	Nữ	CCQ1821A	Bến Tre	92	6.74	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118210012	Đỗ Thị Thu Hồng	29/06/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Thuận	92	7.26	Khá				
26	2118210014	Trần Ngọc Huyền	01/09/1999	Nam	CCQ1821A	BRVT	92	7.02	Khá				
27	2118210017	Nguyễn Kim Khánh	26/01/2000	Nữ	CCQ1821A	Long An	92	7.63	Khá				
28	2118210021	Trần Thị Thúy Liễu	20/01/1999	Nữ	CCQ1821A	Bến Tre	92	6.58	Khá				
29	2118210024	Trà Thị Luyến	30/04/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Định	92	7.58	Khá				
30	2118210026	Võ Minh Nghĩa	27/10/2000	Nam	CCQ1821A	Long An	90	7.05	Khá				
31	2118210029	Phan Thị Nhài	19/07/2000	Nữ	CCQ1821A	Nam Định	92	7.76	Khá				
32	2118210036	Trần Nguyễn Bích Như	09/11/2000	Nữ	CCQ1821A	Long An	92	7.28	Khá				
33	2118210038	Trần Đức Minh Phụng	21/10/2000	Nam	CCQ1821A	TP.HCM	92	6.94	Khá				
34	2118210065	Nguyễn Thị Ty	20/08/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Định	92	6.72	Khá				
35	2118210066	Lê Mộng Thùy Uyên	12/11/2000	Nữ	CCQ1821A	Đồng Nai	92	7.79	Khá				
36	2118210068	Trần Ngọc Vy	08/03/2000	Nữ	CCQ1821A	Tiền Giang	92	7.29	Khá				
37	2118210074	Nguyễn Ngọc Ánh	21/08/2000	Nữ	CCQ1821B	Long An	92	7.54	Khá				
38	2118210079	Lê Thị Mĩ Dung	03/01/2000	Nữ	CCQ1821B	Phú Yên	92	6.99	Khá				
39	2118210082	Nguyễn Thị Ánh Đào	20/09/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.16	Khá				
40	2118210083	Huỳnh Thị Điểm	19/06/1999	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.76	Khá				
41	2118210087	Lê Thị Thu Hà	01/04/2000	Nữ	CCQ1821B	Phú Yên	92	7.06	Khá				
42	2118210089	Lưu Thị Hạnh	10/10/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.67	Khá				
43	2118210092	Huỳnh Thị Hậu	16/05/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Thuận	92	7.18	Khá				
44	2118210099	Vũ Thị Mỹ Linh	27/04/2000	Nữ	CCQ1821B	Đồng Nai	92	8.13	Khá				
45	2118210102	Nguyễn Thị Hồng Mận	27/03/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.95	Khá				
46	2118210105	Huỳnh Thị Thanh Ngân	19/04/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.15	Khá				
47	2118210107	Nguyễn Thị Ái Nhi	21/08/1997	Nữ	CCQ1821B	Bạc Liêu	92	7.51	Khá				
48	2118210118	Nguyễn Thị Thu Thảo	29/01/2000	Nữ	CCQ1821B	Tiền Giang	92	7.15	Khá				
49	2118210134	Nguyễn Thị Huyền Trinh	17/10/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Thuận	92	7.71	Khá				
50	2118210136	Hồ Thị Thanh Trúc	03/08/2000	Nữ	CCQ1821B	Bến Tre	92	7.42	Khá				
51	2118210139	Giáp Thị Ái Vân	16/08/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.00	Khá				
52	2118210144	Nguyễn Thị Kim Yển	01/01/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.55	Khá				
53	2118210145	Phạm Thị Vân Anh	08/02/2000	Nữ	CCQ1821C	Phú Yên	92	7.42	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118210159	Lê Nhật	Hiển	02/02/2000	Nam	CCQ1821C	Bình Định	92	6.90	Khá				
55	2118210161	Lê Thị	Huyền	16/11/2000	Nữ	CCQ1821C	Lâm Đồng	92	7.46	Khá				
56	2118210167	Nguyễn Thị Hà	Miên	05/07/2000	Nữ	CCQ1821C	Phú Yên	92	7.31	Khá				
57	2118210189	Biện Thị Thu	Thảo	19/03/2000	Nữ	CCQ1821C	Long An	92	7.47	Khá				
58	2118210187	Võ Thị Như	Thảo	13/10/2000	Nữ	CCQ1821C	Phú Yên	92	7.43	Khá				
59	2118210190	Nguyễn Thị Thanh	Thiện	07/09/2000	Nữ	CCQ1821C		92	7.06	Khá				
60	2118210192	Đặng Thanh	Thủy	20/02/2000	Nữ	CCQ1821C	Bình Định	92	7.04	Khá				
61	2118210198	Đặng Thị Nguyệt	Tổ	30/06/2000	Nữ	CCQ1821C	Quảng Nam	92	7.70	Khá				
62	2118210201	Văn Phương	Trâm	10/04/2000	Nữ	CCQ1821C	Bình Định	92	7.35	Khá				
63	2118210202	Phùng Bảo	Trần	24/06/1999	Nữ	CCQ1821C	TP.HCM	92	7.67	Khá				
64	2118210207	Ma Võ Thanh	Tuyền	12/06/2000	Nữ	CCQ1821C	Phú Yên	92	7.35	Khá				
65	2118210210	Phạm Tấn	Vương	01/07/2000	Nam	CCQ1821C	Bình Định	92	6.45	Khá				
66	2118210211	Nguyễn Kim Thảo	Vy	27/11/2000	Nữ	CCQ1821C	TP.HCM	92	7.04	Khá				
67	2119210132	Nguyễn Xuân	Huệ	13/05/1997	Nữ	CCQ1921A	Bình Phước	94	6.71	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116100017	Nguyễn Hồng	Hậu	27/10/1997	Nam	CCQ1610A	Lâm Đồng	96	5.95	Trung Bình				
2	2116100159	Nguyễn Thị	Diệu	09/12/1998	Nữ	CCQ1610C	Bình Định	95	6.41	Trung Bình				
3	2116100166	Nguyễn Thị	Hà	20/02/1998	Nữ	CCQ1610C	Bình Phước	95	6.24	Trung Bình				
4	2116100269	Nguyễn Thị Minh	Thị	22/09/1998	Nữ	CCQ1610D	Bình Thuận	95	5.87	Trung Bình				
5	2116100403	Trần Thị Tuyết	Nhi	06/04/1998	Nữ	CCQ1610F	Đồng Nai	96	5.79	Trung Bình				
6	2116100425	Mai Thủy	Tiên	29/10/1997	Nữ	CCQ1610F	Bình Phước	95	5.72	Trung Bình				
7	2116100477	Nguyễn Thị	Phượng	20/02/1996	Nữ	CCQ1610G	Thừa Thiên Huế	95	5.73	Trung Bình				
8	2116190049	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/12/1998	Nữ	CCQ1619A	TP.HCM	96	6.24	Trung Bình				
9	2117100031	Bùi Thị	Nhi	20/02/1999	Nữ	CCQ1710A	Bình Phước	80	6.32	Khá				
10	2117100043	Dương Thị	Thảo	20/12/1999	Nữ	CCQ1710A	Phú Yên	80	6.60	Khá				
11	2117100047	Đỗ Thị Minh	Thu	20/07/1999	Nữ	CCQ1710A	Bình Phước	80	6.16	Trung Bình				
12	2117100066	Lê Thị Kim	Xuyến	25/01/1999	Nữ	CCQ1710A	Phú Yên	80	6.61	Khá				
13	2117100150	Mai Thị Mỹ	Hạnh	30/08/1999	Nữ	CCQ1710C	Đồng Nai	80	7.06	Khá				
14	2117100218	Nguyễn Thị	Giang	26/07/1999	Nữ	CCQ1710D	Tây Ninh	80	6.12	Trung Bình				
15	2117100339	Bùi Thị Thu	Ý	01/12/1999	Nữ	CCQ1710E	Gia Lai	80	6.20	Trung Bình				
16	2117100394	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/02/1999	Nữ	CCQ1710F	Quảng Ngãi	80	6.37	Khá				
17	2117190002	Nguyễn Thị Kiều	Anh	26/08/1999	Nữ	CCQ1719A	Đắk Lắk	80	6.39	Khá				
18	2117190018	Tsần Thị Thu	Hiền	25/05/1999	Nữ	CCQ1719A	Đồng Nai	80	7.42	Khá				
19	2117190048	Lê Văn Minh	Thuận	28/01/1999	Nam	CCQ1719A	TP.HCM	80	6.28	Khá				
20	2117190051	Lê Hồng	Thường	09/03/1999	Nam	CCQ1719A	Phú Yên	80	5.99	Trung Bình				
21	2117190055	Nguyễn Tấn	Tính	13/04/1996	Nam	CCQ1719A	Đồng Nai	80	7.59	Khá				
22	2117190073	Nguyễn Hữu	Dương	02/12/1997	Nam	CCQ1719B	Phú Yên	80	6.54	Khá				
23	2117190080	Trần Phi	Hoàng	15/08/1998	Nam	CCQ1719B	Đồng Nai	81	6.06	Trung Bình				
24	2118100006	Thập Thị Hồng	Dàn	05/09/2000	Nữ	CCQ1810A	Ninh Thuận	82	6.66	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118100007	Nguyễn Thị Thùy	Dung	08/06/2000	Nữ	CCQ1810A	Bình Định	82	6.63	Khá				
26	2118100014	Văn Thị Thu	Hiền	20/01/2000	Nữ	CCQ1810A	BRVT	82	7.96	Khá				
27	2118100015	Phan Thị Kiều	Hoa	20/11/2000	Nữ	CCQ1810A	Ninh Thuận	82	6.95	Khá				
28	2118100039	Nguyễn Thị My	Ni	01/01/2000	Nữ	CCQ1810A	Bình Định	82	7.23	Khá				
29	2118100040	Dương Ngọc	Phụng	08/04/2000	Nữ	CCQ1810A	Đồng Nai	82	7.31	Khá				
30	2118100044	Lê Như	Quỳnh	03/12/2000	Nữ	CCQ1810A	Phú Yên	82	7.23	Khá				
31	2118100043	Trần Nguyên	Quỳnh	10/10/2000	Nữ	CCQ1810A	Đồng Nai	82	6.78	Khá				
32	2118100052	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/01/2000	Nữ	CCQ1810A	Bình Phước	82	6.78	Khá				
33	2118100053	Võ Thị Hồng	Thắm	11/10/2000	Nữ	CCQ1810A	Bình Dương	82	7.74	Khá				
34	2118100060	Chu Thị Tâm	Thương	30/07/1999	Nữ	CCQ1810A	Tây Ninh	82	7.53	Khá				
35	2118100069	Nguyễn Dương Thanh	Tuấn	28/11/2000	Nam	CCQ1810A	TP.HCM	82	6.37	Khá				
36	2118100088	Lê Thị Hồng	Hà	20/09/2000	Nữ	CCQ1810B	Bình Định	82	6.65	Khá				
37	2118100092	Hoàng Thị Mỹ	Hào	24/03/2000	Nữ	CCQ1810B	Đắk Lắk	82	8.24	Giỏi				
38	2118100103	Đào Thị	Liên	06/07/2000	Nữ	CCQ1810B	Đồng Nai	82	6.95	Khá				
39	2118100106	Huỳnh Thị Trúc	Linh	15/12/2000	Nữ	CCQ1810B	Đồng Tháp	82	6.41	Khá				
40	2118100107	Lê Thị Vân	Ly	04/10/1999	Nữ	CCQ1810B	Bình Định	82	7.01	Khá				
41	2118100109	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	29/12/2000	Nữ	CCQ1810B	TP.HCM	82	7.07	Khá				
42	2118100110	Lê Nguyễn Thủy	Nguyên	03/07/2000	Nữ	CCQ1810B	TP.HCM	82	6.74	Khá				
43	2118100130	Bành Thị Phương	Thanh	13/11/1999	Nam	CCQ1810B	Hải Phòng	82	6.42	Khá				
44	2118100134	Đinh Thị Hồng	Thắm	25/09/2000	Nữ	CCQ1810B	Bình Định	82	6.71	Khá				
45	2118100147	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20/09/1999	Nữ	CCQ1810B	Bình Định	84	7.30	Khá				
46	2118100149	Trần Thúy	Trâm	28/03/2000	Nữ	CCQ1810B	Đồng Nai	82	7.13	Khá				
47	2118100153	Lại Thị Thanh	Vân	18/08/2000	Nữ	CCQ1810B	Đồng Nai	82	6.99	Khá				
48	2118100156	Nguyễn Thị Kim	Yến	04/02/2000	Nữ	CCQ1810B	Bình Thuận	82	7.27	Khá				
49	2118100159	Lê Thị Hồng	Châu	20/09/2000	Nữ	CCQ1810C	Tây Ninh	82	6.48	Khá				
50	2118100160	Ngô Thị Mỹ	Chung	06/12/2000	Nữ	CCQ1810C	Phú Yên	82	7.12	Khá				
51	2118100167	Nguyễn Đình	Dũng	17/01/2000	Nam	CCQ1810C	Bình Phước	82	6.62	Khá				
52	2118100175	Trần Ngọc Lệ	Hằng	09/10/2000	Nữ	CCQ1810C	Bình Thuận	82	7.12	Khá				
53	2118100184	Hồ Thị Cẩm	Hường	01/01/2000	Nữ	CCQ1810C	TP.HCM	82	7.21	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118100187	Đỗ Thị Phương Lan	12/01/2000	Nữ	CCQ1810C	Đồng Nai	82	6.47	Khá				
55	2118100188	Lê Thị Phương Liên	09/12/2000	Nữ	CCQ1810C	Bạc Liêu	82	7.36	Khá				
56	2118100190	Trần Thị Liễu	14/04/2000	Nữ	CCQ1810C	Thái Nguyên	82	6.82	Khá				
57	2118100194	Huỳnh Thị Cẩm Ly	06/11/2000	Nữ	CCQ1810C	Phú Yên	82	7.36	Khá				
58	2118100195	Nguyễn Thị Lý	05/07/2000	Nữ	CCQ1810C	Quảng Ngãi	82	7.00	Khá				
59	2118100202	Nguyễn Thị Thanh Ngân	15/10/2000	Nữ	CCQ1810C	TP.HCM	82	7.61	Khá				
60	2118100206	Huỳnh Hồng Yến Nhi	07/04/2000	Nữ	CCQ1810C	Đồng Nai	82	7.87	Khá				
61	2118100212	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	22/12/2000	Nữ	CCQ1810C	Đồng Nai	82	8.22	Giỏi				
62	2118100215	Phạm Thị Thu Thảo	23/05/2000	Nữ	CCQ1810C	Bình Phước	82	6.92	Khá				
63	2118100220	Nguyễn Hoàng Minh Thư	17/09/2000	Nữ	CCQ1810C	TP.HCM	82	7.44	Khá				
64	2118100223	Cao Thị Tiên	03/01/2000	Nữ	CCQ1810C	Quảng Ngãi	82	6.48	Khá				
65	2118100233	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	16/01/2000	Nữ	CCQ1810C	Bình Phước	82	6.39	Khá				
66	2118100235	Trần Thị Thúy An	18/04/2000	Nữ	CCQ1810D	Đồng Nai	82	7.10	Khá				
67	2118100236	Huỳnh Nguyễn Hồng Anh	23/11/2000	Nữ	CCQ1810D	Long An	82	7.10	Khá				
68	2118100238	Nguyễn Lê Như Bình	04/10/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Định	82	7.18	Khá				
69	2118100240	Dương Thị Ngọc Cẩm	03/07/1998	Nữ	CCQ1810D	Lâm Đồng	82	7.03	Khá				
70	2118100241	Trịnh Thị Bích Châu	16/05/2000	Nữ	CCQ1810D	Ninh Thuận	82	6.82	Khá				
71	2118100243	Lê Quỳnh Chi	10/12/2000	Nữ	CCQ1810D	Đắk Lắk	82	6.70	Khá				
72	2118100246	Nguyễn Thị Hồng Duyên	24/09/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Định	82	6.84	Khá				
73	2118100250	Nguyễn Thị Hồng Hiệp	16/06/2000	Nữ	CCQ1810D	Quảng Ngãi	82	6.93	Khá				
74	2118100252	Đặng Thị Kim Hòa	09/09/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Thuận	82	7.18	Khá				
75	2118100255	Chu Thị Huyền	02/10/1999	Nữ	CCQ1810D	Bình Phước	82	7.21	Khá				
76	2118100258	Phan Lương Kiều	09/09/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Định	82	7.14	Khá				
77	2118100259	Trần Oanh Kiều	05/10/1999	Nữ	CCQ1810D	Kiên Giang	82	7.58	Khá				
78	2118100274	Phạm Thị Nguyên	01/01/2000	Nữ	CCQ1810D	Đồng Tháp	84	6.39	Khá				
79	2118100276	Đỗ Tấn Trường Nhân	28/01/2000	Nam	CCQ1810D	Bình Định	83	6.69	Khá				
80	2118100279	Nguyễn Thị Đang Phương	26/11/2000	Nữ	CCQ1810D	Khánh Hòa	82	6.53	Khá				
81	2118100284	Trần Thị Như Quỳnh	20/05/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Định	82	6.84	Khá				
82	2118100289	Nguyễn Thị Kim Thạch	14/09/2000	Nữ	CCQ1810D	Phú Yên	83	6.60	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118100292	Phạm Thị Xuân Thu	17/03/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Định	82	6.43	Khá				
84	2118100295	Nguyễn Thị Thúy	11/03/2000	Nữ	CCQ1810D	Đồng Nai	82	6.40	Khá				
85	2118100294	Nguyễn Thị Minh Thúy	29/11/2000	Nữ	CCQ1810D	Khánh Hòa	82	7.09	Khá				
86	2118100298	Nguyễn Thị Kiều Trang	29/03/2000	Nữ	CCQ1810D	Đắk Lắk	82	6.61	Khá				
87	2118100300	Nguyễn Thị Hoàng Trâm	02/01/2000	Nữ	CCQ1810D	TP.HCM	83	7.24	Khá				
88	2118100302	Nguyễn Thị Kiều Trâm	30/01/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Thuận	82	6.49	Khá				
89	2118100314	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	03/05/2000	Nữ	CCQ1810E	Ninh Thuận	82	6.71	Khá				
90	2118100321	Hồ Thị Thùy Dương	26/04/2000	Nữ	CCQ1810E	TP.HCM	82	7.64	Khá				
91	2118100323	Mai Hồng Hà	18/11/1999	Nữ	CCQ1810E	Lào Cai	82	6.45	Khá				
92	2118100329	Võ Thị Mai Hoa	25/10/2000	Nữ	CCQ1810E	Bình Định	82	6.89	Khá				
93	2118100344	Nguyễn Ánh Nhi	03/08/2000	Nữ	CCQ1810E	Tây Ninh	82	8.05	Giỏi				
94	2118100359	Nguyễn Thị Thảo	19/11/1997	Nữ	CCQ1810E	Lâm Đồng	82	7.60	Khá				
95	2118100365	Phan Võ Anh Thư	22/07/2000	Nữ	CCQ1810E	Bình Thuận	82	8.29	Giỏi				
96	2118100372	Trần Công Trạng	20/11/2000	Nam	CCQ1810E	Đắk Lắk	82	6.40	Khá				
97	2118100374	Nguyễn Đặng Phương Trinh	23/04/1999	Nữ	CCQ1810E	Đồng Nai	82	6.45	Khá				
98	2118100385	Lê Thị Yến	09/05/2000	Nữ	CCQ1810E	Thanh Hóa	82	6.68	Khá				
99	2118100383	Ngô Lê Bạch Yến	11/01/2000	Nữ	CCQ1810E	Đồng Nai	82	6.74	Khá				
100	2118100390	Đinh Thị Kim Cúc	22/08/2000	Nữ	CCQ1810F	Quảng Ngãi	83	6.83	Khá				
101	2118100395	Phạm Kim Đô	31/08/2000	Nữ	CCQ1810F	Tiền Giang	82	6.76	Khá				
102	2118100403	Nguyễn Thị Hoa	20/06/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Phước	82	7.25	Khá				
103	2118100407	Nguyễn Thị Huyền	20/06/2000	Nữ	CCQ1810F	Đắk Lắk	82	6.38	Khá				
104	2118100408	Nguyễn Thị Thu Hương	06/05/2000	Nữ	CCQ1810F	Lâm Đồng	82	7.48	Khá				
105	2118100419	Lê Thị Thiên Lý	20/12/2000	Nữ	CCQ1810F	Lâm Đồng	82	6.36	Khá				
106	2118100420	Đỗ Thị Mẫn	22/01/1999	Nữ	CCQ1810F	BRVT	82	7.02	Khá				
107	2118100421	Lê Thị Ngọc Minh	17/04/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Thuận	82	6.95	Khá				
108	2118100424	Nguyễn Thanh Ngân	20/12/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Định	82	6.52	Khá				
109	2118100426	Lê Thị Hồng Nhi	20/07/2000	Nữ	CCQ1810F	Đồng Nai	82	6.42	Khá				
110	2118100428	Trần Thị Mỹ Nhung	22/01/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Định	82	8.05	Giỏi				
111	2118100435	Trần Thị Thu Phương	26/08/2000	Nữ	CCQ1810F	Quảng Bình	82	7.17	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2118100436	Chế Thị Như	Quỳnh	16/03/2000	Nữ	CCQ1810F	Quảng Ngãi	82	6.93	Khá				
113	2118100444	Trần Thị Kim	Thoa	09/12/2000	Nữ	CCQ1810F	Đồng Tháp	82	6.82	Khá				
114	2118100453	Đoàn Thị Thùy	Trang	03/01/2000	Nữ	CCQ1810F	Ninh Bình	82	7.44	Khá				
115	2118100457	Phạm Như Bích	Tuyền	22/01/2000	Nữ	CCQ1810F	TP.HCM	82	7.51	Khá				
116	2118100462	Nguyễn Thị Hồng	Yến	17/11/2000	Nữ	CCQ1810F	Vĩnh Long	82	8.10	Giỏi				
117	2118100467	Trần Tú	Anh	21/07/2000	Nữ	CCQ1810G	Quảng Ngãi	82	7.35	Khá				
118	2118100469	Hồ Thị Kim	Chơn	19/04/2000	Nữ	CCQ1810G	Ninh Thuận	82	7.62	Khá				
119	2118100475	Nguyễn Thùy	Giang	04/09/2000	Nữ	CCQ1810G	Ninh Thuận	82	6.27	Khá				
120	2118100479	Phạm Thị	Hiền	20/01/2000	Nữ	CCQ1810G	Hà Tĩnh	82	7.00	Khá				
121	2118100483	Trần Thị Xuân	Hoa	16/10/2000	Nữ	CCQ1810G	BRVT	82	6.77	Khá				
122	2118100486	Nguyễn Thị	Huyền	20/11/2000	Nữ	CCQ1810G	Hà Tĩnh	82	7.83	Khá				
123	2118120800	Trần Thị Bé	Loan	05/09/1999	Nữ	CCQ1810G	Hà Tĩnh	82	7.68	Khá				
124	2118100495	Võ Thị	Loan	08/12/2000	Nữ	CCQ1810G	Quảng Ngãi	82	6.65	Khá				
125	2118100497	Bùi Thị	Ly	19/09/2000	Nữ	CCQ1810G	Ninh Thuận	82	6.45	Khá				
126	2118100498	Trần Thị Thùy	Ly	08/11/2000	Nữ	CCQ1810G	Hà Tĩnh	82	6.73	Khá				
127	2118100500	Nguyễn Thị Hồng	Mến	25/03/2000	Nữ	CCQ1810G	Bình Định	82	7.17	Khá				
128	2118100506	Trần Thị Thu	Nguyệt	29/08/2000	Nữ	CCQ1810G	Thái Bình	82	7.70	Khá				
129	2118100512	Nguyễn Thị Loan	Phụng	27/10/2000	Nữ	CCQ1810G	Ninh Thuận	82	7.85	Khá				
130	2118100515	Phạm Thị Thu	Sương	18/08/2000	Nữ	CCQ1810G	Đồng Tháp	82	8.25	Giỏi				
131	2118100516	Nguyễn Ngọc Nguyên	Thảo	27/11/2000	Nữ	CCQ1810G	Đồng Nai	82	8.25	Giỏi				
132	2118100518	Khổng Thị Thanh	Thủy	14/04/2000	Nữ	CCQ1810G	Bình Phước	84	7.46	Khá				
133	2118100520	Phạm Thị Hoài	Thương	10/01/1999	Nữ	CCQ1810G	Hà Tĩnh	82	6.65	Khá				
134	2118100528	Hồ Thị Nhà	Trần	11/05/2000	Nữ	CCQ1810G	Long An	82	7.63	Khá				
135	2118270339	Nguyễn Đặng Thanh	Vy	06/09/2000	Nữ	CCQ1810G	TP.HCM	83	8.46	Giỏi				
136	2118100539	Võ Thị Kim	Yên	10/09/2000	Nữ	CCQ1810G	Quảng Ngãi	82	6.75	Khá				
137	2118190005	Thân Trọng	Bảo	17/03/2000	Nam	CCQ1819A	Lâm Đồng	82	6.77	Khá				
138	2118190007	Lê Trần Mỹ	Dung	03/02/2000	Nữ	CCQ1819A	Bình Định	82	7.40	Khá				
139	2118190016	Trần Thị Mỹ	Hoanh	29/10/2000	Nữ	CCQ1819A	Quảng Ngãi	82	7.42	Khá				
140	2118190018	Nguyễn Quốc	Huy	22/07/2000	Nam	CCQ1819A	Đồng Nai	82	6.82	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
141	2118190025	Thái Thị Hồng	Loan	13/01/2000	Nữ	CCQ1819A	Tiền Giang	82	7.62	Khá				
142	2118190032	Đoàn Trần Ngọc	Như	26/08/2000	Nữ	CCQ1819A	Đồng Nai	82	6.83	Khá				
143	2118190035	Huỳnh Hữu	Phát	30/01/2000	Nam	CCQ1819A	Đồng Nai	82	6.71	Khá				
144	2118190037	Lê Văn	Phong	17/12/2000	Nam	CCQ1819A	Tiền Giang	82	8.03	Khá				
145	2118190041	Lê Thị Như	Quỳnh	29/07/2000	Nữ	CCQ1819A	Phú Yên	82	7.01	Khá				
146	2118190042	Lê Thị My	Sa	18/12/2000	Nữ	CCQ1819A	Phú Yên	82	6.25	Khá				
147	2118190049	Nguyễn Duy	Thịnh	13/07/1999	Nam	CCQ1819A	Bình Thuận	82	7.02	Khá				
148	2118190053	Nguyễn Thị Phương	Tiên	28/12/2000	Nữ	CCQ1819A	Phú Yên	82	6.40	Khá				
149	2118190069	Lê Tuấn	Vỹ	01/02/2000	Nam	CCQ1819A	Đồng Nai	82	6.48	Khá				
150	2118190078	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	15/03/2000	Nữ	CCQ1819B	Quảng Ngãi	82	7.30	Khá				
151	2118190079	Nguyễn Thị Trúc	Ly	12/05/2000	Nữ	CCQ1819B	Bạc Liêu	82	6.76	Khá				
152	2118190085	Lưu Thị Băng	Tâm	27/07/1999	Nữ	CCQ1819B	Ninh Thuận	82	6.90	Khá				
153	2118190091	Phạm Vũ Hương	Trà	08/11/2000	Nữ	CCQ1819B	Đồng Nai	82	8.12	Khá				
154	2118190089	Trần Hồ Phương	Trang	29/10/2000	Nữ	CCQ1819B	Đồng Nai	82	7.34	Khá				
155	2118190094	Kiều Thanh Lê	Vy	23/04/2000	Nữ	CCQ1819B	Đắk Lắk	82	6.57	Khá				
156	2118190095	Lê Thị Kim	Xuyến	16/12/2000	Nữ	CCQ1819B	Phú Yên	82	6.24	Trung Bình				
157	2119100002	Đỗ Thị	Dung	12/03/2001	Nữ	CCQ1910A	Nam Định	82	8.38	Giỏi				
158	2119100408	Lê Thị Thanh	Hồng	21/04/2001	Nữ	CCQ1910A	Quảng Ngãi	82	7.06	Khá				
159	2119100009	Nguyễn Thị	Mai	06/11/1997	Nữ	CCQ1910A	Trà Vinh	82	7.49	Khá				
160	2119100015	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	22/12/2001	Nữ	CCQ1910A	Quảng Ngãi	82	7.48	Khá				
161	2119100020	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	20/09/2001	Nữ	CCQ1910A	Bình Định	82	7.11	Khá				
162	2119100021	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/11/2001	Nữ	CCQ1910A	Thanh Hóa	82	8.35	Giỏi				
163	2119100024	Nguyễn Trung	Tín	14/03/2001	Nam	CCQ1910A	Quảng Ngãi	82	6.83	Khá				
164	2119100028	Lê Thị Ngọc	Trâm	20/01/2001	Nữ	CCQ1910A	Long An	82	7.16	Khá				
165	2119100033	Nguyễn Thị Thùy	An	15/02/2001	Nữ	CCQ1910B	BRVT	82	7.84	Khá				
166	2119100046	Nguyễn Thị Thùy	Linh	05/06/2001	Nữ	CCQ1910B	Vĩnh Long	82	6.74	Khá				
167	2119100049	Lưu Thụy Thúy	Nga	20/01/2001	Nữ	CCQ1910B	Đồng Tháp	82	7.22	Khá				
168	2119100050	Nguyễn Thị	Ngân	24/03/2001	Nữ	CCQ1910B	Đắk Lắk	82	7.31	Khá				
169	2119100054	Võ Ngọc	Nhung	15/03/2001	Nữ	CCQ1910B	Long An	82	7.16	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
170	2119100058	Đỗ Thị Thôi	10/10/2000	Nữ	CCQ1910B	Gia Lai	82	8.70	Giỏi				
171	2119100060	Lê Thị Thu	14/11/2001	Nữ	CCQ1910B	Bình Phước	82	6.98	Khá				
172	2119100073	Nguyễn Thị Ngọc	26/03/1999	Nữ	CCQ1910C	Bình Thuận	82	8.65	Giỏi				
173	2119100089	Võ Thị Kim	30/05/2000	Nữ	CCQ1910C	Khánh Hòa	82	8.27	Giỏi				
174	2119100093	Lê Thị Cẩm	18/03/2001	Nữ	CCQ1910C	Bến Tre	82	8.86	Giỏi				
175	2119100095	Nguyễn Thị	12/02/1998	Nữ	CCQ1910C	Nghệ An	82	7.38	Khá				
176	2119100098	Lê Thị Cẩm	14/08/2001	Nữ	CCQ1910C	Bến Tre	82	8.64	Giỏi				
177	2119100107	Nguyễn Thị Bình	01/11/2001	Nữ	CCQ1910D	Quảng Trị	82	7.81	Khá				
178	2119100140	Ngô Thị Tuyết	24/10/2001	Nữ	CCQ1910E	Bình Thuận	82	8.04	Giỏi				
179	2119100150	Nguyễn Thị Thúy	03/01/2001	Nữ	CCQ1910E	Bến Tre	82	7.60	Khá				
180	2119100158	Phan Diễm	12/07/2001	Nữ	CCQ1910E	Phú Yên	82	7.96	Khá				
181	2119100165	Huỳnh Lê Thị Bảo	20/07/2001	Nữ	CCQ1910E	Bến Tre	82	6.76	Khá				
182	2119100169	Vũ Tường	04/03/2000	Nữ	CCQ1910E	Đồng Nai	82	7.92	Khá				
183	2119100175	Lê Thị Thùy	06/02/2001	Nữ	CCQ1910F	Tây Ninh	80	7.81	Khá				
184	2119100180	Hồ Thị	29/07/2000	Nữ	CCQ1910F	Bình Phước	82	7.61	Khá				
185	2119100185	Hồ Thị Tuyết	27/11/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Định	80	7.87	Khá				
186	2119100192	Cao Kiêm	26/12/1998	Nữ	CCQ1910F	Đồng Tháp	82	8.29	Giỏi				
187	2119100236	Võ Thị Cẩm	22/04/2001	Nữ	CCQ1910G	Đồng Nai	82	7.54	Khá				
188	2119100253	Hà Thị Kiều	17/04/2001	Nữ	CCQ1910H	Bình Định	82	8.37	Giỏi				
189	2119100284	Nguyễn Thị Thúy	01/02/1998	Nữ	CCQ1910I	Bình Thuận	80	7.98	Khá				
190	2119100338	Vũ Thị Kim	23/01/2001	Nữ	CCQ1910K	Hà Nam	80	6.54	Khá				
191	2119100341	Nguyễn Thị Thanh	11/04/2001	Nữ	CCQ1910K	Đồng Nai	82	8.91	Giỏi				
192	2119100346	Đỗ Nguyễn Thanh	22/05/2001	Nữ	CCQ1910K	Đồng Nai	80	7.01	Khá				
193	2119100472	Nguyễn Thị	26/01/2001	Nữ	CCQ1910K	Bình Định	82	8.02	Giỏi				
194	2119100347	Trần Minh	06/08/2000	Nam	CCQ1910K	Đắk Lắk	80	8.07	Giỏi				
195	2119100350	Nguyễn Thị	19/03/2000	Nữ	CCQ1910K	Hà Nội	80	7.87	Khá				
196	2119100366	Trần Thị	26/01/2001	Nữ	CCQ1910K	Bình Thuận	82	7.63	Khá				
197	2119100402	Phạm Thị Thùy	30/08/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Phước	82	7.85	Khá				
198	2119100407	Trần Thị	28/03/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Phước	82	8.50	Giỏi				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
199	2119100410	Nguyễn Ngọc Ái	Mỹ	12/10/2001	Nữ	CCQ1910LA	TP.HCM	82	8.06	Giỏi				
200	2119100412	Vũ Thị Thanh	Thúy	01/08/1997	Nữ	CCQ1910LA	Bình Phước	82	8.03	Giỏi				
201	2119100490	Lê Thị Thanh	Trang	19/06/1999	Nữ	CCQ1910LA	Đắk Lắk	82	8.69	Giỏi				
202	2119100415	Nguyễn Thị Thanh	Tú	20/07/2001	Nữ	CCQ1910LA	Đồng Nai	82	8.05	Giỏi				
203	2119100479	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/10/1995	Nữ	CCQ1910N	Hà Nội	80	6.58	Khá				
204	2119100488	Nguyễn Thị Thu	Phượng	02/05/2001	Nữ	CCQ1910N	Quảng Ngãi	82	7.22	Khá				
205	2119190001	Nguyễn Vũ Hoàng	Anh	23/10/2001	Nữ	CCQ1919A	Đồng Nai	82	6.64	Khá				
206	2119190011	Trương Thị	Liền	30/06/2001	Nữ	CCQ1919A	Phú Yên	82	7.26	Khá				
207	2119190012	Đinh Thị	Linh	05/01/2001	Nữ	CCQ1919A	Đắk Lắk	82	7.63	Khá				
208	2119190016	Nguyễn Thị Như	Nguyên	23/12/2001	Nữ	CCQ1919A	Đắk Nông	82	7.20	Khá				
209	2119190080	Huỳnh Diễm	Hương	01/01/1999	Nữ	CCQ1919C	Cà Mau	82	7.26	Khá				
210	2119190099	Trần Danh	Tú	01/08/2001	Nam	CCQ1919C	Hải Dương	82	7.42	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116240010	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/08/1998	Nữ	CCQ1624A	Bình Phước	99	6.24	Trung Bình				
2	2116240093	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	05/12/1997	Nữ	CCQ1624B	Tiền Giang	99	5.99	Trung Bình				
3	2116240103	Ứng Thị Thanh	Thủy	21/04/1998	Nữ	CCQ1624B	Cà Mau	103	6.34	Trung Bình				
4	2116240108	Hoàng Thủy	Tiên	31/03/1998	Nữ	CCQ1624B	Đồng Nai	100	6.79	Khá				
5	2116240174	Lại Thị Thùy	Trang	12/03/1998	Nữ	CCQ1624C	Đồng Nai	99	6.38	Trung Bình				
6	2116240219	Trần Thị	Thoa	03/05/1998	Nữ	CCQ1624D	Ninh Thuận	99	6.12	Trung Bình				
7	2116240289	Nguyễn Thị Quốc	Triệu	28/12/1997	Nữ	CCQ1624E	Bà Rịa Vũng Tàu	101	6.14	Trung Bình				
8	2116240352	Nguyễn Thị Minh	Trúc	24/06/1998	Nữ	CCQ1624F	Bình Thuận	100	6.45	Trung Bình				
9	2116240368	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	18/10/1997	Nữ	CCQ1624G	Ninh Thuận	101	6.93	Khá				
10	2116240374	Lưu Thị Mai	Lam	22/02/1998	Nữ	CCQ1624G	Bình Thuận	102	6.16	Trung Bình				
11	2116240409	Bùi Ngọc	Tùng	01/05/1993	Nam	CCQ1624G	Bình Định	100	6.35	Trung Bình				
12	2116240410	Nguyễn Trọng Mỹ Trúc	Viên	02/04/1998	Nữ	CCQ1624G	Ninh Thuận	99	6.01	Trung Bình				
13	2116240434	Bùi Châu Mỹ	Ngọc	27/02/1998	Nữ	CCQ1624LA	TP.HCM	99	7.03	Khá				
14	2116240442	Vũ Dương Hoài	Thư	15/11/1998	Nữ	CCQ1624LA	Bình Thuận	100	7.37	Khá				
15	2117240003	Nguyễn Minh	Bảo	28/07/1999	Nam	CCQ1724A	Bình Thuận	90	6.98	Khá				
16	2117240019	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/08/1999	Nữ	CCQ1724A	Đắk Lắk	90	8.02	Giỏi				
17	2117240042	Bùi Thị Thu	Thủy	10/02/1999	Nữ	CCQ1724A	Đắk Lắk	90	6.07	Trung Bình				
18	2117240059	Lê Thị Yến	Vy	14/12/1999	Nữ	CCQ1724A	BRVT	91	6.22	Trung Bình				
19	2117240108	Trần Thị Huyền	Trang	03/10/1999	Nữ	CCQ1724B	Đắk Lắk	90	6.91	Khá				
20	2117240143	Phan Thị	Liền	09/04/1998	Nữ	CCQ1724C	Ninh Thuận	91	6.55	Khá				
21	2117240178	Thường Ngọc	Tuyên	08/01/1999	Nam	CCQ1724C	Bình Thuận	90	7.07	Khá				
22	2117240252	Đoàn Vũ Ngọc	Hân	18/09/1999	Nữ	CCQ1724E	Khánh Hòa	90	7.19	Khá				
23	2117240401	Trần Thị Thu	Hương	10/09/1999	Nữ	CCQ1724E	BRVT	90	6.01	Trung Bình				
24	2117240290	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	01/12/1998	Nữ	CCQ1724E	Đồng Nai	90	6.67	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117240329	Phạm Thị Bé Nhi	12/03/1999	Nữ	CCQ1724F	Tiền Giang	90	6.78	Khá				
26	2117240343	Trần Thanh Thảo	20/01/1999	Nữ	CCQ1724F	Tây Ninh	91	6.28	Khá				
27	2117240347	Dương Hồng Thúy	24/07/1999	Nữ	CCQ1724F	Ninh Thuận	91	6.28	Khá				
28	2118240016	Trần Thị Thanh Huyền	08/02/2000	Nữ	CCQ1824A	Đồng Nai	92	6.23	Trung Bình				
29	2118240017	Lê Ngọc Khanh	04/04/2000	Nữ	CCQ1824A	Tiền Giang	92	6.90	Khá				
30	2118240025	Lê Thị Kim Mỹ	12/01/2000	Nữ	CCQ1824A	Đắk Lắk	92	6.64	Khá				
31	2118240029	Lê Hồng Ngọc	18/03/2000	Nữ	CCQ1824A	TP.HCM	92	6.74	Khá				
32	2118240030	Lê Quý Ngọc	18/03/2000	Nữ	CCQ1824A	TP.HCM	92	6.72	Khá				
33	2118240033	Võ Trọng Nhân	06/09/2000	Nam	CCQ1824A	Tiền Giang	92	6.63	Khá				
34	2118240036	Phan Thị Quỳnh Như	23/05/2000	Nữ	CCQ1824A	Đồng Nai	92	6.48	Khá				
35	2118240052	Nguyễn Thị Thanh Thúy	04/11/2000	Nữ	CCQ1824A	Thái Bình	92	6.70	Khá				
36	2118240071	Nguyễn Thị Yến	18/08/2000	Nữ	CCQ1824A	Đồng Nai	92	7.51	Khá				
37	2118240090	Phạm Thị Thu Hiếu	15/08/2000	Nữ	CCQ1824B	Bà Rịa Vũng Tàu	92	6.66	Khá				
38	2118240099	Bùi Thị Hoài Linh	16/03/2000	Nữ	CCQ1824B	TP.HCM	92	7.55	Khá				
39	2118240101	Huỳnh Thị Thiên Lý	12/04/2000	Nữ	CCQ1824B	Đắk Lắk	92	6.58	Khá				
40	2118240107	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/08/2000	Nữ	CCQ1824B	Trà Vinh	92	7.37	Khá				
41	2118240116	Võ Thị Thu Thảo	06/09/2000	Nữ	CCQ1824B	Long An	92	7.20	Khá				
42	2118240138	Ngô Thế Vinh	09/03/2000	Nam	CCQ1824B	TP.HCM	92	7.19	Khá				
43	2118240148	Cao Thị Kim Cúc	13/06/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Định	92	6.87	Khá				
44	2118240179	Bùi Thị Thanh Nhân	06/05/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Định	94	6.43	Khá				
45	2118240197	Hoàng Thị Thanh Thảo	09/11/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Thuận	92	7.05	Khá				
46	2118240201	Hồ Thị Y Thắm	11/12/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Định	92	6.57	Khá				
47	2118240202	Lê Thị Ngân Thê	07/02/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Định	92	7.50	Khá				
48	2118240220	Vũ Hồng Ân	19/02/1996	Nam	CCQ1824D	Đồng Nai	92	8.45	Giỏi				
49	2118240221	Trần Thị Mai Diệu	02/02/1999	Nữ	CCQ1824D	Bến Tre	92	6.85	Khá				
50	2118240270	Nguyễn Văn Thắng	10/12/1997	Nam	CCQ1824D	Nghệ An	92	8.34	Giỏi				
51	2118240273	Nguyễn Thị Thanh Thúy	01/11/2000	Nữ	CCQ1824D	Bình Định	92	6.57	Khá				
52	2118240276	Nguyễn Thị Anh Thương	28/02/1996	Nữ	CCQ1824D	Bắc Ninh	92	7.03	Khá				
53	2118240281	Võ Thị Ánh Trân	21/01/2000	Nữ	CCQ1824D	Bình Phước	92	6.56	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118240300	Đỗ Thị Thanh	Hoa	14/10/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Phước	92	6.54	Khá				
55	2118240343	Trần Thị Huyền	Trang	29/12/2000	Nữ	CCQ1824E	Thái Bình	92	7.22	Khá				
56	2118240344	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	12/09/2000	Nữ	CCQ1824E	TP.HCM	92	7.16	Khá				
57	2118240376	Phạm Đình Thu	Hằng	22/12/2000	Nữ	CCQ1824F	Đắk Lắk	92	7.57	Khá				
58	2118240378	Nguyễn Thị Huyền	Hân	17/03/2000	Nữ	CCQ1824F	TP.HCM	92	7.35	Khá				
59	2118240400	Phạm Thị Diễm	Quyên	21/10/2000	Nữ	CCQ1824F	Bình Định	92	7.05	Khá				
60	2118240402	Trương Thị Như	Quỳnh	12/05/2000	Nữ	CCQ1824F	Bình Định	92	8.07	Giỏi				
61	2118240421	Hoàng Thị Phương	Trinh	01/01/2000	Nữ	CCQ1824F	Đắk Lắk	92	8.54	Giỏi				
62	2118240432	Trần Hoàng	Anh	25/10/1999	Nữ	CCQ1824LA	TP.HCM	92	7.48	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116120477	Dương Diệp Mỹ	Trần	28/10/1998	Nữ	CCQ1612LA	TP.HCM	105	6.30	Trung Bình				
2	2116120485	Huỳnh Trịnh Như	Ý	28/03/1998	Nữ	CCQ1612LA	Quảng Ngãi	106	6.90	Khá				
3	2116200014	Trương Phước	Hà	02/02/1996	Nam	CCQ1620A	Lâm Đồng	95	7.17	Khá				
4	2116200024	Lê Thị Xuân	Hồng	01/10/1997	Nữ	CCQ1620A	Quảng Ngãi	95	5.87	Trung Bình				
5	2116170419	Trần Minh	Luân	06/06/1998	Nam	CCQ1620B	Khánh Hòa	95	6.20	Trung Bình				
6	2116260078	Mai Hữu	Huy	03/03/1997	Nam	CCQ1626B	Bình Thuận	95	6.43	Trung Bình				
7	2116270024	Bùi Quốc	Huy	14/11/1997	Nam	CCQ1627A	TP.HCM	95	5.90	Trung Bình				
8	2117120029	Bùi Nguyễn Thanh	Ngân	01/05/1999	Nữ	CCQ1712A	TP.HCM	80	6.91	Khá				
9	2117120041	Phương Kỳ	Phong	01/08/1998	Nam	CCQ1712A	Ninh Thuận	80	7.25	Khá				
10	2117120055	Trần Thị Hoài	Trâm	19/07/1999	Nữ	CCQ1712A	Bình Thuận	80	5.96	Trung Bình				
11	2117120077	Trần Thanh	Hào	25/03/1999	Nam	CCQ1712B	Bình Định	80	5.99	Trung Bình				
12	2117120079	Lương Hữu	Hậu	27/06/1999	Nam	CCQ1712B	Quảng Ngãi	80	6.25	Khá				
13	2117120082	Trần Phi	Hùng	19/10/1999	Nam	CCQ1712B	Phú Yên	82	6.17	Trung Bình				
14	2117120084	Nguyễn Minh	Khiêm	19/04/1999	Nam	CCQ1712B	Bình Định	80	5.99	Trung Bình				
15	2117120087	Trương Thị Kiều	Liên	28/09/1999	Nữ	CCQ1712B	Bình Định	80	6.44	Khá				
16	2117120105	Trần Tuấn	Quang	28/05/1999	Nam	CCQ1712B	Ninh Thuận	80	6.17	Trung Bình				
17	2117120129	Nguyễn Hoài	Trung	31/08/1999	Nam	CCQ1712B	Long An	82	5.90	Trung Bình				
18	2117120137	Trần Quốc	Anh	29/06/1999	Nam	CCQ1712C	Tây Ninh	80	6.67	Khá				
19	2117120143	Nguyễn Thị Phương	Dung	20/08/1999	Nữ	CCQ1712C	Gia Lai	80	6.26	Khá				
20	2117120150	Nguyễn Huỳnh Thủy	Hằng	19/08/1999	Nữ	CCQ1712C	Phú Yên	80	6.39	Khá				
21	2117120156	Lê Đặng Mỹ	Hương	31/07/1999	Nữ	CCQ1712C	Bình Định	80	6.37	Khá				
22	2117120169	Bùi Kim	Ngọc	24/11/1999	Nữ	CCQ1712C	Đồng Tháp	80	6.27	Khá				
23	2117120177	Lê Minh	Nhật	08/02/1999	Nam	CCQ1712C	Đồng Tháp	80	6.19	Trung Bình				
24	2117120192	Phạm Công	Thịnh	14/10/1993	Nam	CCQ1712C	Đồng Nai	80	7.63	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117120240	Đào Yến	Nhi	15/05/1999	Nữ	CCQ1712D	Quảng Ngãi	80	6.39	Khá				
26	2117120254	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/08/1999	Nữ	CCQ1712D	Bình Định	80	6.02	Trung Bình				
27	2117120267	Nguyễn Bảo Diễm	Trúc	17/09/1999	Nữ	CCQ1712D	Quảng Ngãi	80	6.83	Khá				
28	2117120317	Võ Thị	Quyên	24/10/1999	Nữ	CCQ1712E	Quảng Ngãi	80	6.03	Trung Bình				
29	2117120329	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	02/03/1999	Nữ	CCQ1712E	TP.HCM	80	6.39	Khá				
30	2117120360	Bùi Thị Mỹ	Hiếu	04/01/1999	Nữ	CCQ1712F	Bình Phước	80	6.48	Khá				
31	2117120497	Nguyễn Thị	Thanh	18/02/1999	Nữ	CCQ1712LA	Hà Nội	80	7.72	Khá				
32	2117120502	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	23/11/1999	Nữ	CCQ1712LA	TP.HCM	80	8.42	Giỏi				
33	2117200015	Nguyễn Thị Lê	Hằng	08/03/1999	Nữ	CCQ1720A	Phú Yên	80	6.47	Khá				
34	2117200039	Hoàng Thị	Linh	12/08/1999	Nữ	CCQ1720A	BRVT	80	6.77	Khá				
35	2117200063	Lê Thị Bích	Thảo	11/06/1999	Nữ	CCQ1720A	Phú Yên	80	6.67	Khá				
36	2117200078	Nguyễn Thanh	Toàn	22/05/1999	Nam	CCQ1720A	Tây Ninh	82	6.63	Khá				
37	2117200087	Lê Nhật Thảo	Vy	22/08/1999	Nữ	CCQ1720A	Đồng Nai	86	6.26	Khá				
38	2117270136	Vũ Thị Ngọc	Nhung	06/08/1997	Nữ	CCQ1720B	Đồng Nai	84	7.02	Khá				
39	2117200127	Bùi Tấn	Niên	20/02/1998	Nam	CCQ1720B	Bình Định	80	6.20	Trung Bình				
40	2117200159	Nguyễn Cao	Trí	09/12/1996	Nam	CCQ1720B	Bình Định	80	5.90	Trung Bình				
41	2117260091	Lê Trung	Bảo	19/05/1999	Nam	CCQ1726B	Sóc Trăng	80	7.57	Khá				
42	2117260103	Lê Thị Hồng	Diệp	14/11/1999	Nữ	CCQ1726B	Sóc Trăng	83	6.14	Trung Bình				
43	2117260109	Trần Thị Thu	Hằng	04/11/1999	Nữ	CCQ1726B	Bình Định	80	6.52	Khá				
44	2117260120	Nguyễn Lê Thủy	Huyền	02/03/1999	Nữ	CCQ1726B	Bình Định	81	6.51	Khá				
45	2117260128	Huỳnh Đức	Lực	05/11/1998	Nam	CCQ1726B	Gia Lai	82	5.98	Trung Bình				
46	2117260132	Huỳnh Đặng Thảo	Ngân	29/10/1999	Nữ	CCQ1726B	Đồng Nai	80	6.38	Khá				
47	2117270033	Đặng Thị Hồng	Liên	17/01/1999	Nữ	CCQ1727A	TP.HCM	81	6.46	Khá				
48	2117270061	Nguyễn Xuân	Thắng	26/05/1999	Nam	CCQ1727A	Bình Định	80	5.97	Trung Bình				
49	2117270067	Phạm Anh	Thư	03/12/1998	Nữ	CCQ1727A	TP.HCM	85	6.26	Khá				
50	2117270073	Võ Lâm Quế	Trang	03/08/1999	Nữ	CCQ1727A	TP.HCM	83	6.24	Trung Bình				
51	2117270092	Cao Ngọc Vân	Anh	21/03/1999	Nữ	CCQ1727B	Đồng Nai	82	6.61	Khá				
52	2117270095	Lê Văn	Chiêu	19/12/1999	Nam	CCQ1727B	Cà Mau	80	6.61	Khá				
53	2117270101	Nguyễn Tấn	Đình	01/04/1999	Nam	CCQ1727B	Đắk Lắk	80	6.38	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2117110083	Nguyễn Kiều Công	Đĩnh	09/02/1999	Nam	CCQ1727B	Phú Yên	80	6.70	Khá			
55	2117270127	Phạm Thị Kim	Ngân	06/08/1999	Nữ	CCQ1727B	Đồng Nai	81	6.22	Trung Bình			
56	2118120011	Lê Thị	Duyên	12/11/2000	Nữ	CCQ1812A	Bình Định	82	6.39	Khá			
57	2118120012	Võ Thị	Duyên	06/07/2000	Nữ	CCQ1812A	Bình Định	82	6.32	Khá			
58	2118120015	Mai Thị Ngọc	Hà	29/12/2000	Nữ	CCQ1812A	Bình Phước	82	6.38	Khá			
59	2118120028	Trần Thị Ngọc	Lan	27/06/2000	Nữ	CCQ1812A	Đắk Lắk	82	7.13	Khá			
60	2118120033	Lê Thành	Lộc	19/04/1997	Nam	CCQ1812A	Long An	82	7.36	Khá			
61	2118120042	Sơn Thị Hoàng	Nguyên	25/12/2000	Nữ	CCQ1812A	Trà Vinh	82	6.44	Khá			
62	2118120053	Vũ Anh	Phương	27/11/2000	Nam	CCQ1812A	Bình Phước	83	6.35	Khá			
63	2118120061	Nguyễn Thanh	Thảo	18/10/2000	Nữ	CCQ1812A	BRVT	82	6.70	Khá			
64	2118120062	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/11/2000	Nữ	CCQ1812A	Tiền Giang	82	6.93	Khá			
65	2118120064	Phạm Văn	Thoảng	24/12/1999	Nam	CCQ1812A	Quảng Ngãi	82	6.60	Khá			
66	2118120073	Lê Hồ Bảo	Trâm	03/03/2000	Nữ	CCQ1812A	Bến Tre	82	6.38	Khá			
67	2118120074	Trần Thị Bích	Trâm	10/10/2000	Nữ	CCQ1812A	Đồng Nai	82	7.08	Khá			
68	2118120087	Nguyễn Thanh Trúc	Vy	26/06/2000	Nữ	CCQ1812A	BRVT	82	7.50	Khá			
69	2118120089	Nguyễn Thị Kim	Ý	25/01/2000	Nữ	CCQ1812A	Bến Tre	82	6.47	Khá			
70	2118120099	Huỳnh	Đức	20/07/2000	Nam	CCQ1812B	Bình Định	82	6.51	Khá			
71	2118120103	Nguyễn Thị	Hạnh	11/04/1999	Nam	CCQ1812B	Lâm Đồng	82	6.71	Khá			
72	2118120125	Cao Nhật	Linh	21/01/2000	Nam	CCQ1812B	Tiền Giang	82	6.54	Khá			
73	2118120131	Phạm Thị	Ngọc	06/03/2000	Nữ	CCQ1812B	Lâm Đồng	82	6.45	Khá			
74	2118120134	Nguyễn Thị Linh	Nhi	31/10/2000	Nữ	CCQ1812B	Bình Dương	82	6.50	Khá			
75	2118120139	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	27/06/2000	Nữ	CCQ1812B	Gia Lai	82	6.60	Khá			
76	2118120147	Lâm Nhật	Quỳnh	29/04/2000	Nữ	CCQ1812B	Phú Yên	82	6.21	Trung Bình			
77	2118120148	Phạm Thị Tú	Sương	08/09/2000	Nữ	CCQ1812B	BRVT	82	6.62	Khá			
78	2118120150	Nguyễn Thanh	Thành	08/09/2000	Nam	CCQ1812B	TP.HCM	82	6.32	Khá			
79	2118120151	Lê Thị Thanh	Thảo	27/10/2000	Nữ	CCQ1812B	Lâm Đồng	82	6.98	Khá			
80	2118120196	Nguyễn Thị	Hiền	02/11/1998	Nữ	CCQ1812C	Thanh Hóa	82	6.53	Khá			
81	2118120199	Nguyễn Văn	Hồng	20/05/1998	Nam	CCQ1812C	Đắk Lắk	82	7.50	Khá			
82	2118120202	Lương Thị	Hương	28/11/2000	Nữ	CCQ1812C	Bình Định	82	6.70	Khá			

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118120210	Nguyễn Thị Hồng Lát	16/03/2000	Nữ	CCQ1812C	Long An	82	6.81	Khá				
84	2118120211	Nguyễn Thị Diệu Linh	31/07/2000	Nữ	CCQ1812C	Bình Định	82	7.32	Khá				
85	2118120221	Nguyễn Thị Yên Nhi	30/10/2000	Nữ	CCQ1812C	Đồng Nai	82	6.70	Khá				
86	2118120232	Nguyễn Thị Mộng Sa	10/04/2000	Nữ	CCQ1812C	Bình Định	82	6.17	Trung Bình				
87	2118120236	Nguyễn Văn Minh Thảo	24/05/2000	Nam	CCQ1812C	Bình Phước	82	6.08	Trung Bình				
88	2118120237	Phạm Thị Thu Thảo	30/10/2000	Nữ	CCQ1812C	Đồng Nai	82	6.71	Khá				
89	2118120275	Trần Thị Mỹ Duyên	04/06/2000	Nữ	CCQ1812D	Long An	82	6.85	Khá				
90	2118120290	Nguyễn Thị Thanh Hoài	27/12/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Thuận	82	7.19	Khá				
91	2118120295	Trần Anh Kiệt	13/02/2000	Nam	CCQ1812D	Tây Ninh	82	6.57	Khá				
92	2118120305	Nguyễn Lê Phú Nghĩa	20/11/1998	Nam	CCQ1812D	Bình Dương	82	6.80	Khá				
93	2118120310	Lê Thị Yên Nhi	08/04/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Phước	82	6.99	Khá				
94	2118120313	Nguyễn Khắc Phi	19/05/1998	Nam	CCQ1812D	BRVT	83	7.44	Khá				
95	2118120320	Lưu Trần Như Quỳnh	08/01/2000	Nữ	CCQ1812D	Tiền Giang	82	7.00	Khá				
96	2118120322	Hoàng Vũ Yên Thanh	18/02/1999	Nữ	CCQ1812D	TP.HCM	82	6.70	Khá				
97	2118120323	Nguyễn Đức Thành	14/08/1999	Nam	CCQ1812D	Lâm Đồng	82	6.42	Khá				
98	2118120335	Phan Huỳnh Thảo Trang	22/07/2000	Nữ	CCQ1812D	Phú Yên	82	6.54	Khá				
99	2118120346	Đỗ Thị Cẩm Tú	04/09/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Thuận	82	6.88	Khá				
100	2118120360	Võ Thị Thanh Diễm	02/12/2000	Nữ	CCQ1812E	Bình Định	82	6.91	Khá				
101	2118120364	Tổng Mỹ Duyên	14/07/2000	Nữ	CCQ1812E	Phú Yên	82	7.51	Khá				
102	2118120368	Lê Đỗ Thanh Đoan	27/06/2000	Nữ	CCQ1812E	Cà Mau	82	6.19	Trung Bình				
103	2118120372	Nguyễn Thị Mai Hiền	09/07/2000	Nữ	CCQ1812E	Đồng Nai	82	7.15	Khá				
104	2118120381	Đặng Chí Khang	18/01/1998	Nam	CCQ1812E	Tây Ninh	82	7.38	Khá				
105	2118120393	Lê Thị Mùng	29/04/2000	Nữ	CCQ1812E	Quảng Ngãi	82	6.30	Khá				
106	2118120394	Nguyễn Thị My	06/05/2000	Nữ	CCQ1812E	Bình Định	82	6.38	Khá				
107	2118120395	Phạm Thị Bích Ngọc	23/03/2000	Nữ	CCQ1812E	TP.HCM	82	6.65	Khá				
108	2118120397	Nguyễn Thị Kim Nguyên	08/08/2000	Nữ	CCQ1812E	BRVT	82	6.47	Khá				
109	2118120400	Võ Thị Tuyết Nhung	21/09/2000	Nữ	CCQ1812E	Quảng Ngãi	82	6.64	Khá				
110	2118120403	Vi Ngọc Phúc	12/07/2000	Nam	CCQ1812E	Quảng Ngãi	82	6.41	Khá				
111	2118120414	Nguyễn Thị Thắm	01/04/2000	Nữ	CCQ1812E	Quảng Ngãi	82	6.65	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2118120416	Phạm Đức	Thắng	10/12/2000	Nam	CCQ1812E	Bình Định	82	7.15	Khá				
113	2118120418	Đặng Thị Kim	Thoa	26/09/2000	Nữ	CCQ1812E	Bình Định	82	6.80	Khá				
114	2118120422	Lưu Lê Bích	Thùy	04/10/2000	Nữ	CCQ1812E	Phú Yên	82	6.61	Khá				
115	2118120423	Nguyễn Thị Kim	Thùy	10/09/2000	Nữ	CCQ1812E	Bình Định	82	7.17	Khá				
116	2118120435	Dương Tiến	Trung	23/02/1997	Nam	CCQ1812E	BRVT	82	6.76	Khá				
117	2118120438	Nguyễn Lam	Trường	08/02/2000	Nam	CCQ1812E	Tây Ninh	82	6.68	Khá				
118	2118120463	Phạm Quốc	Đạt	16/02/1999	Nam	CCQ1812F	Nghệ An	82	7.16	Khá				
119	2118120466	Phan Văn	Hải	11/01/2000	Nam	CCQ1812F	Bình Định	82	6.72	Khá				
120	2118120473	Trần Thị	Hoa	13/04/2000	Nữ	CCQ1812F	Đồng Nai	83	6.43	Khá				
121	2118120474	Trương Ngọc	Hoàng	10/08/2000	Nam	CCQ1812F	Phú Yên	82	6.38	Khá				
122	2118120488	Lê Trương Diễm	Nhi	27/04/2000	Nữ	CCQ1812F	Phú Yên	82	7.31	Khá				
123	2118120493	Nguyễn Thị Phương	Nhung	07/04/2000	Nữ	CCQ1812F	Đắk Lắk	82	7.06	Khá				
124	2118120495	Nguyễn Thị Xuân	Phương	18/04/2000	Nữ	CCQ1812F	Hà Tĩnh	82	6.85	Khá				
125	2118120498	Đỗ Thị Thu	Quanh	15/02/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.14	Trung Bình				
126	2118120499	Trần Thị Bích	Qui	10/11/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.28	Khá				
127	2118120503	Trịnh Mai	Sương	17/09/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.33	Khá				
128	2118120511	Nguyễn Thị	Thu	06/08/2000	Nữ	CCQ1812F	Đắk Lắk	82	7.29	Khá				
129	2118120512	Nguyễn Thị Như	Thùy	10/01/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.79	Khá				
130	2118120518	Nguyễn Thị Kiều	Trang	12/01/2000	Nữ	CCQ1812F	Quảng Ngãi	82	6.65	Khá				
131	2118120522	Phan Nguyễn Huyền	Trần	15/07/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.70	Khá				
132	2118120531	Vũ Ngọc	Anh	25/01/2000	Nữ	CCQ1812G	Bình Phước	82	7.56	Khá				
133	2118120540	Trần Thị Bích	Duyên	28/06/2000	Nữ	CCQ1812G	Phú Yên	82	6.59	Khá				
134	2118120552	Nguyễn Thị Kim	Hân	21/06/2000	Nữ	CCQ1812G	Phú Yên	82	7.11	Khá				
135	2118120575	Nguyễn Thị Trúc	Mai	26/07/2000	Nữ	CCQ1812G	Bình Định	82	6.29	Khá				
136	2118120583	Phạm Thị Tuyết	Nhung	20/09/2000	Nữ	CCQ1812G	Hà Tĩnh	82	6.58	Khá				
137	2118120584	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	07/04/2000	Nữ	CCQ1812G	TP.HCM	82	6.54	Khá				
138	2118120590	Trần Thị Kim	Phượng	08/02/2000	Nữ	CCQ1812G	Bình Dương	82	7.07	Khá				
139	2118120594	Đỗ Như	Quỳnh	01/12/2000	Nữ	CCQ1812G	Quảng Ngãi	82	6.44	Khá				
140	2118120598	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	15/03/2000	Nữ	CCQ1812G	BRVT	82	6.71	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
141	2118120603	Võ Nguyễn Thái Thảo	23/05/2000	Nữ	CCQ1812G	TP.HCM	82	7.06	Khá				
142	2118120608	Võ Phạm Hoàng Tiến	28/06/2000	Nam	CCQ1812G	TP.HCM	82	6.01	Trung Bình				
143	2118120617	Trần Thanh Vy	03/06/2000	Nữ	CCQ1812G	Tây Ninh	82	6.25	Khá				
144	2118120620	Bùi Ngọc Yến	27/01/1999	Nữ	CCQ1812G	Đồng Nai	82	6.84	Khá				
145	2118120628	Bùi Thị Mỹ Duyên	09/02/2000	Nữ	CCQ1812H	TP.HCM	82	7.03	Khá				
146	2118120632	Dương Thị Cẩm Em	11/10/2000	Nữ	CCQ1812H	Tiền Giang	82	7.30	Khá				
147	2118120634	Cao Văn Hải	20/06/2000	Nam	CCQ1812H	Đồng Nai	82	6.75	Khá				
148	2118120643	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/10/2000	Nữ	CCQ1812H	TP.HCM	82	6.69	Khá				
149	2118120649	Trương Thị Mỹ Linh	12/10/2000	Nữ	CCQ1812H	Bình Định	82	6.83	Khá				
150	2118120653	Nguyễn Thị Kiều Loan	16/01/2000	Nữ	CCQ1812H	Bình Định	82	7.01	Khá				
151	2118120663	Cao Thị Thanh Ngân	12/06/2000	Nữ	CCQ1812H	Bình Định	82	6.77	Khá				
152	2118120664	Nguyễn Thị Thảo Ngân	16/02/2000	Nữ	CCQ1812H	Đắk Lắk	82	6.43	Khá				
153	2118120667	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	10/07/2000	Nữ	CCQ1812H	Bình Định	82	6.44	Khá				
154	2118120668	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10/07/2000	Nữ	CCQ1812H	BRVT	82	6.30	Khá				
155	2118120673	Lê Ngọc Trúc Phương	31/10/2000	Nữ	CCQ1812H	TP.HCM	82	7.16	Khá				
156	2118120677	Đoàn Thanh Sang	10/06/2000	Nam	CCQ1812H	Bình Định	82	7.34	Khá				
157	2118120680	Nguyễn Văn Sự	25/09/1999	Nam	CCQ1812H	Bình Định	82	6.36	Khá				
158	2118120682	Vương Ngọc Thảo	30/10/2000	Nữ	CCQ1812H	Bình Định	82	6.25	Khá				
159	2118120689	Nguyễn Thị Lệ Thu	29/08/2000	Nữ	CCQ1812H	Kiên Giang	82	7.20	Khá				
160	2118120694	Phan Tuyết Thư	28/04/2000	Nữ	CCQ1812H	Bình Định	82	6.29	Khá				
161	2118120696	Phạm Ánh Thy	20/03/2000	Nữ	CCQ1812H	TP.HCM	82	6.56	Khá				
162	2118120698	Nguyễn Thị Kiều Trang	09/05/2000	Nữ	CCQ1812H	Quảng Ngãi	82	7.22	Khá				
163	2118110008	Trần Thị Thùy Dung	14/05/2000	Nữ	CCQ1812I	Lâm Đồng	82	6.89	Khá				
164	2118120729	Bùi Như Hiếu	08/05/2000	Nam	CCQ1812I	Lạng Sơn	82	6.85	Khá				
165	2118120728	Huỳnh Thị Bích Hiếu	21/09/2000	Nữ	CCQ1812I	Bình Định	82	6.80	Khá				
166	2118120755	Nguyễn Thị Yến Nhi	14/05/2000	Nữ	CCQ1812I	Long An	82	7.10	Khá				
167	2118120761	Hoàng Thị Thu Quyên	21/03/2000	Nữ	CCQ1812I	Quảng Trị	82	7.69	Khá				
168	2118120766	Võ Thị Ngọc Sáng	27/10/2000	Nữ	CCQ1812I	Bến Tre	82	7.01	Khá				
169	2118120773	Đặng Thị Minh Thư	16/09/2000	Nữ	CCQ1812I	Phú Yên	82	6.49	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
170	2118070039	Lê Nguyễn Thùy Tiên	25/10/2000	Nữ	CCQ1812I	Bình Định	82	6.45	Khá				
171	2118120774	Trần Thị Cẩm Tiên	18/03/2000	Nữ	CCQ1812I	Đồng Tháp	82	6.97	Khá				
172	2118120775	Vũ Văn Tiến	20/06/2000	Nam	CCQ1812I	Đắk Nông	82	6.82	Khá				
173	2118120777	Bùi Thị Hồng Trân	29/04/2000	Nữ	CCQ1812I	Bình Định	82	5.98	Trung Bình				
174	2118120780	Đặng Thị Trinh	28/01/2000	Nữ	CCQ1812I	Bến Tre	82	7.05	Khá				
175	2118120794	Trần Phạm Thảo Vy	10/02/2000	Nữ	CCQ1812I	Đồng Nai	84	6.40	Khá				
176	2118120812	Trần Chí Tín	02/04/2000	Nam	CCQ1812LA	TP.HCM	83	6.92	Khá				
177	2118120822	Dương Hoàng Yển	20/06/2000	Nữ	CCQ1812LA	Bình Định	83	7.55	Khá				
178	2118200002	Nguyễn Thị Lan Anh	01/06/2000	Nữ	CCQ1820A	Phú Yên	82	6.78	Khá				
179	2118200006	Nguyễn Thị Vân Anh	18/10/2000	Nữ	CCQ1820A	Tây Ninh	82	6.46	Khá				
180	2118200019	Phan Bích Hà	08/10/2000	Nữ	CCQ1820A	BRVT	82	6.50	Khá				
181	2118200020	Lê Thị Mỹ Hào	17/07/1999	Nữ	CCQ1820A	Quảng Ngãi	82	6.34	Khá				
182	2118200024	Trương Thị Lệ Hiếu	11/01/2000	Nữ	CCQ1820A	Bình Định	82	6.45	Khá				
183	2118200027	Lê Hữu Hòa	29/02/2000	Nam	CCQ1820A	Bình Phước	82	6.81	Khá				
184	2118200029	Giang Minh Huy	25/11/2000	Nam	CCQ1820A	Bình Phước	82	6.53	Khá				
185	2118200030	Phạm Thị Thanh Huyền	21/06/2000	Nữ	CCQ1820A	Đắk Lắk	82	6.64	Khá				
186	2118200033	Lê Nguyễn Nguyệt Kiều	20/02/2000	Nữ	CCQ1820A	Bình Định	82	6.96	Khá				
187	2118200039	Dương Thị Thùy Linh	12/08/2000	Nữ	CCQ1820A	Huế	82	6.69	Khá				
188	2118200042	Phạm Thị Bạch Mai	04/04/2000	Nữ	CCQ1820A	Tây Ninh	82	6.54	Khá				
189	2118200046	Trần Thị Duyên My	27/01/2000	Nữ	CCQ1820A	Quảng Ngãi	82	7.32	Khá				
190	2118200055	Lê Đặng Ngọc Nhi	13/06/2000	Nữ	CCQ1820A	BRVT	82	8.29	Giỏi				
191	2118200056	Phan Thị Yển Nhi	02/01/2000	Nữ	CCQ1820A	Bến Tre	82	6.68	Khá				
192	2118200054	Võ Thị Diễm Nhi	25/11/2000	Nữ	CCQ1820A	Đồng Nai	82	6.46	Khá				
193	2118200064	Đoàn Thị Nhật Thu Quyên	17/05/2000	Nữ	CCQ1820A	Lâm Đồng	82	7.20	Khá				
194	2118200066	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	30/09/2000	Nữ	CCQ1820A	Phú Yên	82	6.27	Khá				
195	2118200069	Phan Thu Thảo	22/05/2000	Nữ	CCQ1820A	Bình Định	82	7.51	Khá				
196	2118200071	Nguyễn Thị Diệu Thắm	25/12/1997	Nữ	CCQ1820A	An Giang	82	8.15	Giỏi				
197	2118200074	Trịnh Thị Kim Thuyền	23/10/2000	Nữ	CCQ1820A	BRVT	82	8.18	Giỏi				
198	2118200076	Nguyễn Thị Thu Trang	19/08/1998	Nữ	CCQ1820A	Tây Ninh	82	6.92	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
199	2118200083	Trương Cẩm Tú	05/07/2000	Nữ	CCQ1820A	Long An	82	7.82	Khá				
200	2118200079	Dương Thị Bích Tuyền	27/08/2000	Nữ	CCQ1820A	Tây Ninh	82	7.17	Khá				
201	2118200080	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/01/2000	Nữ	CCQ1820A	Quảng Ngãi	82	6.75	Khá				
202	2118200081	Lê Long Tuyền	25/09/2000	Nam	CCQ1820A	Ninh Thuận	82	7.10	Khá				
203	2118200084	Võ Thị Thu Viễn	17/11/2000	Nữ	CCQ1820A	Bình Định	82	6.52	Khá				
204	2118200093	Phan Thị Thúy Anh	20/10/2000	Nữ	CCQ1820B	Bến Tre	82	7.20	Khá				
205	2118200095	Nguyễn Thị Cẩm Châu	12/07/2000	Nữ	CCQ1820B	Đắk Lắk	82	6.15	Trung Bình				
206	2118200098	Hà Tiến Công	12/08/2000	Nam	CCQ1820B	Phú Yên	82	6.98	Khá				
207	2118200101	Nguyễn Hồ Giáng Đài	01/01/2000	Nữ	CCQ1820B	BRVT	82	6.90	Khá				
208	2118200105	Nguyễn Thị Minh Hà	29/05/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	6.66	Khá				
209	2118200120	Đinh Thị Mỹ Linh	12/02/2000	Nữ	CCQ1820B	Tiền Giang	82	6.86	Khá				
210	2118200121	Nguyễn Trường Linh	24/05/2000	Nam	CCQ1820B	Bình Định	82	6.89	Khá				
211	2118200131	Nguyễn Mỹ Ánh Nhi	12/09/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	6.13	Trung Bình				
212	2118200143	Nguyễn Thị Phương	06/01/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	6.40	Khá				
213	2118200142	Trần Thị Nam Phương	29/05/2000	Nữ	CCQ1820B	Lâm Đồng	82	7.93	Khá				
214	2118200147	Nguyễn Thị Thu Thanh	20/10/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	7.20	Khá				
215	2118200153	Nguyễn Vũ Minh Thư	05/09/2000	Nữ	CCQ1820B	TP.HCM	82	7.23	Khá				
216	2118200155	Nguyễn Ngọc Tiến	11/09/2000	Nam	CCQ1820B	Bình Định	82	6.16	Trung Bình				
217	2118200157	Đinh Thị Thùy Trang	04/06/2000	Nữ	CCQ1820B	Tiền Giang	82	7.25	Khá				
218	2118200158	Trần Thị Thùy Trang	17/02/2000	Nữ	CCQ1820B	Đồng Nai	82	6.50	Khá				
219	2118200173	Huỳnh Thị Ái Vi	03/05/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Định	82	7.82	Khá				
220	2118200171	Nguyễn Thị Thu Viên	11/07/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	6.98	Khá				
221	2118200175	Trần Thị Mỹ Xuân	11/02/2000	Nữ	CCQ1820B	BRVT	82	6.35	Khá				
222	2118200176	Nguyễn Thị Ngọc Yến	14/09/2000	Nữ	CCQ1820B	BRVT	82	6.93	Khá				
223	2118200184	Trần Thị Hồng Gấm	31/10/2000	Nữ	CCQ1820C	Tây Ninh	82	6.97	Khá				
224	2118200191	Võ Thị Thúy Hằng	15/08/2000	Nữ	CCQ1820C	Long An	82	6.69	Khá				
225	2118200194	Phùng Thị Thu Hiền	30/10/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	6.58	Khá				
226	2118200198	Huỳnh Thị Mỹ Huyền	20/11/2000	Nữ	CCQ1820C	Quảng Ngãi	82	6.66	Khá				
227	2118200200	Trần Thị Lan Hương	06/12/2000	Nữ	CCQ1820C	Đắk Lắk	82	6.75	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
228	2118200203	Nguyễn Thị Thúy Kiều	20/09/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	7.03	Khá				
229	2118200208	Dương Tuấn Lộc	10/08/2000	Nam	CCQ1820C	TP.HCM	82	6.59	Khá				
230	2118200213	Phan Thị My	20/12/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	6.34	Khá				
231	2118200217	Nguyễn Thị Thúy Ngân	08/12/2000	Nữ	CCQ1820C	Phú Yên	82	6.39	Khá				
232	2118200220	Ng Thị Trương Quyền Ái Nguyệt	19/03/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	6.94	Khá				
233	2118200222	Nguyễn Thị Thanh Nhã	18/06/2000	Nữ	CCQ1820C	Long An	82	7.00	Khá				
234	2118200225	Phan Thị Uyên Nhi	13/01/2000	Nữ	CCQ1820C	Tây Ninh	82	6.28	Khá				
235	2118200228	Hứa Thị Hồng Nhung	08/10/2000	Nữ	CCQ1820C	Ninh Thuận	82	6.68	Khá				
236	2118200229	Trương Thị Hồng Nhung	29/11/1999	Nữ	CCQ1820C	Ninh Thuận	82	6.56	Khá				
237	2118200238	Đoàn Thị Xuân Quỳnh	16/09/2000	Nữ	CCQ1820C	Long An	82	6.68	Khá				
238	2118200241	Nguyễn Ngọc Trang Thanh Thảo	16/01/2000	Nữ	CCQ1820C	Đồng Nai	82	6.85	Khá				
239	2118200243	Nguyễn Hữu Thắng	01/01/2000	Nam	CCQ1820C	Đồng Nai	82	6.23	Trung Bình				
240	2118200246	Nguyễn Thị Kim Thòi	20/12/2000	Nữ	CCQ1820C	Đắk Lắk	82	7.25	Khá				
241	2118200252	Đinh Thị Kim Thư	21/08/2000	Nữ	CCQ1820C	Quảng Ngãi	82	7.13	Khá				
242	2118200250	Nguyễn Thị Anh Thư	05/10/2000	Nữ	CCQ1820C	Tây Ninh	82	6.70	Khá				
243	2118200254	Hoàng Ngọc Cẩm Tiên	20/06/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Thuận	82	5.93	Trung Bình				
244	2118200258	Phan Thị Mai Trinh	21/01/2000	Nữ	CCQ1820C	Tiền Giang	82	6.23	Trung Bình				
245	2118200267	Nguyễn Thị Kim Yên	20/05/2000	Nữ	CCQ1820C	Đắk Lắk	82	7.90	Khá				
246	2118200281	Trần Thị Hà	16/02/1998	Nữ	CCQ1820D	Đắk Lắk	82	8.08	Khá				
247	2118200284	Nguyễn Thị Hạnh	25/02/1999	Nữ	CCQ1820D	Bình Thuận	82	7.82	Khá				
248	2118200282	Đỗ Phú Vĩnh Hào	31/01/2000	Nam	CCQ1820D	BRVT	82	6.40	Khá				
249	2118200296	Nguyễn Thị Lan	14/07/1999	Nữ	CCQ1820D	Bình Định	82	7.68	Khá				
250	2118200301	Nguyễn Thị Linh	03/01/2000	Nữ	CCQ1820D	Đồng Nai	82	7.67	Khá				
251	2118200306	Lê Thị Diệu Ngân	11/06/2000	Nữ	CCQ1820D	Long An	82	7.50	Khá				
252	2118200316	Phan Nguyễn Thị Hồng Phúc	10/12/2000	Nữ	CCQ1820D	Quảng Ngãi	82	6.71	Khá				
253	2118200320	Nguyễn Thị Phương	03/03/2000	Nữ	CCQ1820D	Đắk Lắk	82	7.00	Khá				
254	2118200321	Vô Minh Quang	03/02/1999	Nam	CCQ1820D	BRVT	83	5.93	Trung Bình				
255	2118200324	Trương Như Quỳnh	02/10/1999	Nữ	CCQ1820D	Phú Yên	82	6.61	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
256	2118200326	Hà Ngọc	Son	30/01/2000	Nam	CCQ1820D	Lâm Đồng	82	6.13	Trung Bình				
257	2118200329	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/10/2000	Nữ	CCQ1820D	Bình Định	82	7.33	Khá				
258	2118200342	Huỳnh Thị Quế	Trang	08/10/2000	Nữ	CCQ1820D	Long An	82	6.84	Khá				
259	2118270324	Phạm Thị Bảo	Trâm	24/07/1999	Nữ	CCQ1820D	Phú Yên	82	7.23	Khá				
260	2118200351	Phan Bảo	Tuyền	22/12/2000	Nữ	CCQ1820D	Đồng Tháp	82	7.72	Khá				
261	2118200354	Hoàng Thị	Uyên	18/10/2000	Nữ	CCQ1820D	Quảng Trị	82	7.70	Khá				
262	2118260016	Trần Thị Phương	Đông	22/08/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	7.17	Khá				
263	2118260039	Đào Thị Kim	Luyến	15/04/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.98	Khá				
264	2118260046	Hương Thị	Ngà	25/11/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Thuận	82	7.43	Khá				
265	2118260079	Trương Hồng	Thủy	01/12/2000	Nữ	CCQ1826A	Quảng Ngãi	82	7.39	Khá				
266	2118260103	Lăng Thị	Ánh	28/05/2000	Nữ	CCQ1826B	Đồng Nai	82	7.26	Khá				
267	2118260119	Trương Thuận	Hiệp	12/03/2000	Nam	CCQ1826B	Đồng Nai	82	6.65	Khá				
268	2118260123	Lê Thị Ngọc	Huyền	03/01/2000	Nữ	CCQ1826B	TP.HCM	82	7.08	Khá				
269	2118260138	Nguyễn Thị Trúc	Ly	24/02/2000	Nữ	CCQ1826B	Đắk Lắk	82	6.91	Khá				
270	2118260144	Trương Nhựt	Nam	11/07/1999	Nam	CCQ1826B	Vĩnh Long	82	6.44	Khá				
271	2118260160	Mai Hoàng	Phi	01/09/1999	Nam	CCQ1826B	Tây Ninh	82	7.46	Khá				
272	2118260167	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/01/2000	Nữ	CCQ1826B	Đồng Tháp	82	7.92	Khá				
273	2118260171	Đỗ Thị Kim	Thoa	21/01/2000	Nữ	CCQ1826B	Tiền Giang	82	8.07	Giỏi				
274	2118260198	Trương Hải	Yến	24/10/2000	Nữ	CCQ1826B	Phú Yên	83	6.61	Khá				
275	2118260213	Lê Thị Hồng	Đào	12/03/2000	Nữ	CCQ1826C	Tiền Giang	82	7.50	Khá				
276	2118260212	Nguyễn Thị Anh	Đào	30/05/2000	Nữ	CCQ1826C	TP.HCM	82	7.52	Khá				
277	2118260269	Phạm Hồng	Thắm	17/10/2000	Nữ	CCQ1826C	TP.HCM	82	6.95	Khá				
278	2118260286	Nguyễn Thị Thùy	Trang	31/12/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Phước	82	6.69	Khá				
279	2118260284	Phan Thị Thu	Trang	20/05/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Phước	82	6.92	Khá				
280	2118240132	Võ Thị Thanh	Tuyết	06/01/1999	Nữ	CCQ1826C	Bình Thuận	82	8.25	Giỏi				
281	2118260300	Phạm Thị Như	Ý	15/12/2000	Nữ	CCQ1826C	Quảng Ngãi	83	6.50	Khá				
282	2118270007	Lê Thị Cẩm	Du	03/12/2000	Nữ	CCQ1827A	Bến Tre	82	7.56	Khá				
283	2118270020	Nguyễn Minh	Kha	10/09/1998	Nam	CCQ1827A	Long An	82	8.23	Giỏi				
284	2118270032	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/06/2000	Nữ	CCQ1827A	Bình Thuận	82	7.68	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
285	2118270034	Huỳnh Thị Mỹ	Nguyên	27/10/2000	Nữ	CCQ1827A	Tiền Giang	82	7.00	Khá				
286	2118270040	Lê Thị Quỳnh	Như	12/10/1999	Nữ	CCQ1827A	Bình Phước	82	7.03	Khá				
287	2118270046	Phan Thị Thanh	Phương	12/11/2000	Nữ	CCQ1827A	Bình Phước	82	7.24	Khá				
288	2118270059	Lê Quốc	Thắng	23/06/2000	Nam	CCQ1827A	Bình Thuận	82	6.20	Trung Bình				
289	2118270064	Hà Thị	Tình	20/06/1999	Nữ	CCQ1827A	Bình Định	82	6.46	Khá				
290	2118270069	Nguyễn Thị Tú	Trình	27/12/1999	Nữ	CCQ1827A	Long An	82	6.75	Khá				
291	2118270077	Trương Thị	Viên	29/10/2000	Nữ	CCQ1827A	Bình Định	82	6.95	Khá				
292	2118270083	Nguyễn Dương Như	Ý	15/02/2000	Nữ	CCQ1827A	Tiền Giang	82	7.11	Khá				
293	2118270084	Đặng Thị Thanh	An	09/04/2000	Nữ	CCQ1827B	Quảng Ngãi	82	6.93	Khá				
294	2118270087	Phan Kiều	Anh	30/04/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Phước	82	6.67	Khá				
295	2118270094	Trần Nguyễn Ngọc	Giàu	02/01/2000	Nữ	CCQ1827B	Long An	82	6.79	Khá				
296	2118270103	Huỳnh Thị	Hải	20/09/1999	Nữ	CCQ1827B	Bình Định	82	6.63	Khá				
297	2118270111	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	09/10/2000	Nữ	CCQ1827B	Quảng Ngãi	82	7.41	Khá				
298	2118270125	Hà Thị Thanh	Ngân	14/06/2000	Nữ	CCQ1827B	Phú Yên	82	6.75	Khá				
299	2118270132	Nguyễn Thị Yên	Nhi	14/08/2000	Nữ	CCQ1827B	Quảng Ngãi	82	7.30	Khá				
300	2118270134	Phan Thị Hồng	Nhung	28/08/2000	Nữ	CCQ1827B	Tiền Giang	82	6.78	Khá				
301	2118270141	Nguyễn Quốc	Thắng	30/03/2000	Nam	CCQ1827B	Bình Định	82	6.28	Khá				
302	2118270143	Nguyễn Văn	Thế	13/09/1999	Nam	CCQ1827B	Nghệ An	82	6.80	Khá				
303	2118270151	Vương Khánh Anh	Thư	10/08/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Thuận	82	6.39	Khá				
304	2118270156	Trịnh Thị Phương	Trang	27/06/2000	Nữ	CCQ1827B	Tiền Giang	82	7.40	Khá				
305	2118270155	Võ Thị Huyền	Trang	11/09/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Định	82	7.02	Khá				
306	2118270161	Nguyễn Ngọc	Trình	21/07/2000	Nữ	CCQ1827B	TP.HCM	82	7.06	Khá				
307	2118270164	Võ Thị Hồng	Việt	24/04/2000	Nữ	CCQ1827B	Phú Yên	82	7.05	Khá				
308	2118270165	Lê Nguyễn Tường	Vy	28/10/2000	Nữ	CCQ1827B	TP.HCM	82	6.95	Khá				
309	2118270172	Trần Văn	Cang	17/06/2000	Nam	CCQ1827C	Ninh Thuận	82	6.34	Khá				
310	2118270177	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/05/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Định	82	7.19	Khá				
311	2118270178	Phạm Hồng	Đức	31/05/1999	Nam	CCQ1827C	Lâm Đồng	82	6.41	Khá				
312	2118270181	Nguyễn Ngọc	Hân	11/12/2000	Nữ	CCQ1827C	Ninh Thuận	82	8.21	Giỏi				
313	2118270187	Lê Thị	Huyền	12/09/2000	Nữ	CCQ1827C	Đắk Lắk	82	6.65	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
314	2118270189	Trần Thị Lan	Hương	28/12/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Thuận	82	7.75	Khá				
315	2118270191	Nguyễn Văn	Khoa	28/03/2000	Nam	CCQ1827C	Tây Ninh	82	6.52	Khá				
316	2118270197	Võ Thị Mỹ	Linh	02/11/2000	Nữ	CCQ1827C	Đắk Lắk	82	7.02	Khá				
317	2118270198	Hồ Nhất	Lĩnh	12/09/2000	Nam	CCQ1827C	Bình Định	82	6.43	Khá				
318	2118270199	Nguyễn Hải	Long	28/10/2000	Nam	CCQ1827C	Bến Tre	82	6.71	Khá				
319	2118270204	Võ Lê	Minh	30/03/2000	Nam	CCQ1827C	Bến Tre	82	6.90	Khá				
320	2118270206	Đoàn Nhật	Nam	14/06/1999	Nam	CCQ1827C	BRVT	82	6.39	Khá				
321	2118270208	Hoàng Thị Thu	Ngân	06/02/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Định	82	6.76	Khá				
322	2118270212	Huỳnh Thị Yến	Nhi	26/02/2000	Nữ	CCQ1827C	BRVT	82	7.49	Khá				
323	2118270217	Trần Thị Lam	Oanh	21/05/2000	Nữ	CCQ1827C	Đắk Nông	82	7.78	Khá				
324	2118270229	Bùi Thị Thu	Thảo	20/10/2000	Nữ	CCQ1827C	Quảng Ngãi	82	7.44	Khá				
325	2118260268	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/09/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Định	82	6.74	Khá				
326	2118270228	Phạm Thị	Thảo	02/07/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Phước	82	6.74	Khá				
327	2118270233	Nguyễn Thị Như	Thùy	06/04/2000	Nữ	CCQ1827C	Quảng Ngãi	82	6.32	Khá				
328	2118270235	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	24/10/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Thuận	82	7.11	Khá				
329	2118270237	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	11/11/2000	Nữ	CCQ1827C	Đồng Nai	82	7.52	Khá				
330	2118270239	Phạm Thị Thu	Thương	30/06/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Định	82	7.29	Khá				
331	2118270240	Văn Thị Thu	Thương	10/06/2000	Nữ	CCQ1827C	Gia Lai	82	6.69	Khá				
332	2118270246	Bùi Nguyễn Thùy	Trang	20/12/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Định	82	7.52	Khá				
333	2118270253	Phạm Thị Quỳnh	Vi	01/01/2000	Nữ	CCQ1827C	BRVT	82	6.93	Khá				
334	2118270255	Trương Hoàng Thúy	Vy	08/08/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Thuận	82	7.74	Khá				
335	2118270277	Võ Thiện	Hậu	11/08/2000	Nữ	CCQ1827D	Đồng Tháp	82	7.23	Khá				
336	2118270283	Phan Thị Xuân	Hương	17/11/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Định	82	6.61	Khá				
337	2118270290	Đặng Thị	Liên	18/12/2000	Nữ	CCQ1827D	Phú Yên	82	6.91	Khá				
338	2118270293	Trần Thị Yến	Linh	07/05/2000	Nữ	CCQ1827D	Tiền Giang	82	7.45	Khá				
339	2118270294	Hoàng Thị	Loan	30/10/2000	Nữ	CCQ1827D	Đắk Lắk	82	6.46	Khá				
340	2118270311	Phan Ngọc	Phượng	13/05/2000	Nữ	CCQ1827D	Ninh Thuận	82	6.56	Khá				
341	2118270312	Nguyễn Thị Kim	Phượng	06/06/2000	Nữ	CCQ1827D	Vĩnh Long	82	6.88	Khá				
342	2118270313	Nguyễn Quốc	Tâm	02/04/2000	Nam	CCQ1827D	BRVT	82	7.11	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
343	2118270314	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/05/2000	Nữ	CCQ1827D	Bến Tre	82	7.16	Khá				
344	2118270325	Hồ Thu Bảo	Trâm	24/12/2000	Nữ	CCQ1827D	Phú Yên	82	6.92	Khá				
345	2118270328	Đặng Thị Mỹ	Trinh	20/11/2000	Nữ	CCQ1827D	Long An	82	7.34	Khá				
346	2118270333	Phạm Thị Ánh	Tuyết	12/10/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Phước	82	7.25	Khá				
347	2118270335	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/06/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Định	82	7.22	Khá				
348	2119120006	Trần Thị Thu	Hồng	20/10/2001	Nữ	CCQ1912A	Đồng Nai	82	6.86	Khá				
349	2119120007	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	07/09/2001	Nữ	CCQ1912A	Bình Thuận	82	7.26	Khá				
350	2119120013	Đỗ Thị Kim	Ngân	05/01/1999	Nữ	CCQ1912A	TP.HCM	82	7.15	Khá				
351	2119120015	Chu Thị Thanh	Phương	10/01/2001	Nữ	CCQ1912A	Bình Phước	82	6.84	Khá				
352	2119120016	Đỗ Thị Bích	Phượng	16/09/2001	Nữ	CCQ1912A	Đồng Nai	82	7.00	Khá				
353	2119120023	Chu Trần Trang	Thảo	08/10/1997	Nữ	CCQ1912A	Đắk Lắk	82	7.29	Khá				
354	2119120021	Ngô Như	Thảo	31/08/2001	Nữ	CCQ1912A	Đồng Nai	82	6.83	Khá				
355	2119120031	Thái Thị Bích	Trâm	02/10/2001	Nữ	CCQ1912A	BRVT	82	7.08	Khá				
356	2119120034	Đỗ Thị Tường	Vi	12/03/2001	Nữ	CCQ1912A	Quảng Ngãi	82	6.64	Khá				
357	2119120058	Đặng Thị Ngọc	Tài	19/02/2001	Nữ	CCQ1912B	Bình Thuận	82	8.01	Khá				
358	2119120080	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	23/10/1999	Nữ	CCQ1912C	BRVT	82	6.88	Khá				
359	2119120082	Trần Thị Thúy	Hằng	11/08/2001	Nữ	CCQ1912C	Bình Định	82	7.01	Khá				
360	2119120086	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	25/06/2001	Nữ	CCQ1912C	TP.HCM	82	6.68	Khá				
361	2119120089	Nguyễn Thị	Nhất	01/06/2001	Nữ	CCQ1912C	Bình Định	82	6.77	Khá				
362	2119120108	Võ Thị Phương	Chi	02/11/2001	Nữ	CCQ1912D	Phú Yên	82	6.66	Khá				
363	2119120112	Dương Thị Thanh	Hiền	03/10/2001	Nữ	CCQ1912D	BRVT	82	7.24	Khá				
364	2119120115	Nguyễn Ngọc Việt	Hoàng	23/01/2001	Nam	CCQ1912D	BRVT	82	7.19	Khá				
365	2119120118	Huỳnh Như Minh	Hương	28/02/2001	Nữ	CCQ1912D	Long An	82	7.13	Khá				
366	2119120176	Đào Lưu Thị Mỹ	An	18/01/2001	Nữ	CCQ1912F	Tây Ninh	82	7.15	Khá				
367	2119120198	Phạm Thị Thu	Sang	02/04/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Định	82	6.85	Khá				
368	2119120200	Mai Thị Thanh	Tài	22/12/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Định	82	7.20	Khá				
369	2119120203	Hồ Như	Thủy	29/08/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Định	82	6.74	Khá				
370	2119120227	Phạm Thị Ngọc	Phú	05/01/2001	Nữ	CCQ1912G	Bình Phước	82	6.49	Khá				
371	2119120250	Nguyễn Thị Hương	Giang	20/07/2001	Nữ	CCQ1912H	Bình Phước	82	6.82	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
372	2119120287	Nguyễn Thúy Hằng	26/06/2001	Nữ	CCQ1912I	Kiên Giang	82	7.37	Khá				
373	2119120304	Hồ Nguyệt Quế	17/02/2001	Nữ	CCQ1912I	Bình Định	82	7.33	Khá				
374	2119120313	Võ Thị Tình	03/08/2001	Nữ	CCQ1912I	Bình Định	82	7.80	Khá				
375	2119120330	Trần Nguyễn Thanh Lam	08/11/2001	Nam	CCQ1912J	Đắk Lắk	82	7.01	Khá				
376	2119120337	Trần YẾN	16/07/2001	Nữ	CCQ1912J	Quảng Ngãi	82	7.05	Khá				
377	2119120341	Lê Thị Thoa	31/03/2001	Nữ	CCQ1912J	Bình Định	82	6.96	Khá				
378	2119120390	Nguyễn Thị Diễm	15/10/2000	Nữ	CCQ1912L	Bình Thuận	82	7.15	Khá				
379	2119120407	Hồ Thị Hoài Thương	22/02/2001	Nữ	CCQ1912L	Đồng Nai	82	6.79	Khá				
380	2119120419	Trần Quang Vinh	08/01/2000	Nam	CCQ1912L	Long An	82	8.51	Giỏi				
381	2119120447	Nguyễn Thị Liên Chi	22/02/2001	Nữ	CCQ1912M	Tiền Giang	82	7.12	Khá				
382	2119120448	Lê Thanh Đạt	05/07/2001	Nam	CCQ1912M	Bình Dương	82	6.95	Khá				
383	2119120455	Trình Thị Bích Khương	10/10/2001	Nữ	CCQ1912M	Bình Định	82	6.46	Khá				
384	2119120457	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	26/12/2001	Nữ	CCQ1912M	Đắk Lắk	82	7.28	Khá				
385	2119120461	Đào Xuân Ngọc	10/11/2001	Nam	CCQ1912M	Thanh Hóa	82	7.07	Khá				
386	2119120465	Võ Thị Tuyết Nhung	17/10/1998	Nữ	CCQ1912M	Gia Lai	82	8.05	Giỏi				
387	2119120473	Nguyễn Khánh Duy Tiên	21/03/2001	Nam	CCQ1912M	Lâm Đồng	82	6.89	Khá				
388	2119120486	Mai Thị Hằng	14/10/1999	Nữ	CCQ1912N	Lâm Đồng	82	7.15	Khá				
389	2119120503	Võ Thị Hồng Thúy	05/01/2001	Nữ	CCQ1912N	Bình Định	82	7.01	Khá				
390	2119120509	Trần Vũ Khánh Triệu	17/12/2001	Nữ	CCQ1912N	BRVT	82	7.14	Khá				
391	2119120523	Phan Thị Thu Hiền	20/05/2001	Nữ	CCQ1912O	Bình Thuận	84	6.22	Trung Bình				
392	2119120530	Phan Khoa Ánh Mai	29/08/2001	Nữ	CCQ1912O	Tiền Giang	82	7.65	Khá				
393	2119260183	Lưu Thị Yến Nhi	01/06/2000	Nữ	CCQ1912O	Khánh Hòa	82	7.68	Khá				
394	2119120547	Trần Thị Lệ Tuyết	12/04/2001	Nữ	CCQ1912O	Gia Lai	82	7.45	Khá				
395	2119120563	Bùi Thị Huýnh Na	02/11/2001	Nữ	CCQ1912P	Quảng Nam	82	6.83	Khá				
396	2119120574	Lê Thị Trinh	12/08/2001	Nữ	CCQ1912P	Bình Định	82	6.99	Khá				
397	2119120582	Phạm Thị Kim Yến	05/09/2001	Nữ	CCQ1912P	Long An	82	7.89	Khá				
398	2119200015	Cao Thị Mai	10/02/1999	Nữ	CCQ1920A	Quảng Bình	82	7.31	Khá				
399	2119200073	Đinh Thùy Dung	19/04/2001	Nữ	CCQ1920C	Lâm Đồng	82	7.75	Khá				
400	2119200074	Hồ Thị Ngọc Hà	02/10/2001	Nữ	CCQ1920C	Quảng Trị	82	7.11	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
401	2119200089	Nguyễn Thị	Phuong	10/10/2000	Nữ	CCQ1920C	Đắk Lắk	82	8.07	Giỏi				
402	2119200093	Hồ Thị Mỹ	Thao	22/12/2000	Nữ	CCQ1920C	Phú Yên	82	7.25	Khá				
403	2119200094	Phạm Thị Thu	Thủy	10/02/2001	Nữ	CCQ1920C	Bình Phước	82	6.89	Khá				
404	2119200097	Nguyễn Thị	Tiết	16/07/2000	Nữ	CCQ1920C	Bình Định	82	7.41	Khá				
405	2119200108	Phan Thị Mỹ	Duyên	04/11/2001	Nữ	CCQ1920D	Bình Định	82	6.80	Khá				
406	2119200129	Phạm Thị Mỹ	Sương	09/01/2001	Nữ	CCQ1920D	Ninh Thuận	82	7.44	Khá				
407	2119200138	Đỗ Thanh	Bình	04/04/2001	Nam	CCQ1920E	Bình Phước	82	6.65	Khá				
408	2119200152	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	01/01/2001	Nữ	CCQ1920E	Bình Thuận	82	6.97	Khá				
409	2119200159	Hoàng Thị	Nhung	17/01/2001	Nữ	CCQ1920E	Thanh Hóa	82	7.76	Khá				
410	2119200173	Đỗ Thị Thúy	Bông	05/01/2001	Nữ	CCQ1920F	Bình Thuận	82	8.25	Giỏi				
411	2119200185	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	20/07/2001	Nữ	CCQ1920F	Long An	82	7.40	Khá				
412	2119200196	Cao Thị Kim	Sương	22/09/2001	Nữ	CCQ1920F	Bình Thuận	82	7.61	Khá				
413	2119200206	Đặng Châu	Anh	12/02/2001	Nữ	CCQ1920G	Đắk Lắk	82	8.14	Giỏi				
414	2119200212	Trần Quang	Huy	01/06/2001	Nam	CCQ1920G	Phú Yên	82	7.27	Khá				
415	2119200217	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	21/04/2001	Nữ	CCQ1920G	Đồng Nai	82	8.30	Giỏi				
416	2119200220	Nguyễn Thị	Nhận	13/03/2001	Nữ	CCQ1920G	BRVT	82	7.56	Khá				
417	2119200232	Lê Minh	Trung	12/12/2001	Nam	CCQ1920G	Bình Dương	82	6.85	Khá				
418	2119200243	Lê Thị	Hiền	22/11/2001	Nữ	CCQ1920H	Bình Thuận	82	7.15	Khá				
419	2119200259	Phùng Minh	Thư	01/01/2001	Nữ	CCQ1920H	Tây Ninh	82	7.78	Khá				
420	2119260184	Hồ Thị Ý	Nhi	10/06/2001	Nữ	CCQ1926E	Bình Thuận	82	7.10	Khá				
421	2119270069	Huỳnh Thị Kim	Chi	30/08/2001	Nữ	CCQ1927C	Quảng Ngãi	82	6.58	Khá				
422	2120120007	Nguyễn Thái	Hà	14/01/2000	Nữ	CCQ2012A	TP.HCM	82	7.05	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116110012	Hồ Xuân	Đạt	12/12/1996	Nam	CCQ1611A	Bà Rịa Vũng Tàu	105	6.60	Khá				
2	2116110099	Đoàn Hồng	Huệ	24/07/1997	Nam	CCQ1611B	Tiền Giang	105	5.99	Trung Bình				
3	2116110110	Nguyễn Lê	Nam	04/05/1998	Nam	CCQ1611B	Bình Định	105	6.01	Trung Bình				
4	2116110112	Bùi Trung	Nghĩa	06/09/1998	Nam	CCQ1611B	Tây Ninh	105	5.63	Trung Bình				
5	2116110158	Nguyễn Ngọc	Diệu	18/05/1998	Nữ	CCQ1611C	Long An	105	6.13	Trung Bình				
6	2116110232	Cao Chí	Cường	21/09/1998	Nam	CCQ1611D	Tây Ninh	105	6.82	Khá				
7	2116110282	Lê Tấn	Thịnh	17/08/1998	Nam	CCQ1611D	Phú Yên	105	5.86	Trung Bình				
8	2117110028	Lưu Văn	Khén	16/10/1999	Nam	CCQ1711A	Tây Ninh	91	6.32	Khá				
9	2117110066	Đỗ Đình	Vân	12/10/1999	Nam	CCQ1711A	Quảng Ngãi	92	6.30	Khá				
10	2117110134	Trần Đức	Tuấn	25/12/1999	Nam	CCQ1711B	Bình Định	92	6.44	Khá				
11	2117110170	Nguyễn Hữu	Nghĩa	10/11/1999	Nam	CCQ1711C	Phú Yên	92	6.95	Khá				
12	2117110184	Nguyễn Duy	Tân	20/10/1999	Nam	CCQ1711C	Brvt	91	6.18	Trung Bình				
13	2117110195	Nguyễn Đức	Thiện	04/11/1999	Nam	CCQ1711C	Bình Thuận	91	6.39	Khá				
14	2117110201	Vũ Văn	Toàn	14/03/1999	Nam	CCQ1711C	Đồng Nai	91	6.27	Khá				
15	2117110205	Trần Quốc	Tú	24/06/1999	Nam	CCQ1711C	Quảng Bình	92	6.49	Khá				
16	2117110249	Phạm Anh	Phúc	17/01/1999	Nam	CCQ1711D	TP.HCM	92	6.37	Khá				
17	2117110252	Nguyễn Thanh	Quân	17/06/1999	Nam	CCQ1711D	Bình Định	92	6.55	Khá				
18	2117110266	Phạm Minh	Trí	30/11/1998	Nam	CCQ1711D	Bình Phước	93	7.66	Khá				
19	2117110275	Nguyễn Quốc	Việt	04/09/1999	Nam	CCQ1711D	Bình Định	92	5.89	Trung Bình				
20	2117110283	Phan Xuân	Cường	08/01/1999	Nam	CCQ1711E	Đắk Lắk	92	6.32	Khá				
21	2117110295	Mai Nguyễn Huy	Hoàng	07/12/1999	Nam	CCQ1711E	TP.HCM	93	6.56	Khá				
22	2117110308	Trần Quốc	Khánh	23/01/1999	Nam	CCQ1711E	Bình Thuận	91	6.85	Khá				
23	2117140089	Phan Anh	Quốc	14/09/1999	Nam	CCQ1711E	Đắk Lắk	92	7.05	Khá				
24	2117110341	Lê Trung	Thu	15/08/1999	Nam	CCQ1711E	Ninh Thuận	92	6.74	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117220002	Nguyễn Ngọc Bảo	14/05/1999	Nam	CCQ1722A	Tiền Giang	90	6.35	Khá				
26	2117220022	Đỗ Thị Mỹ	29/09/1999	Nữ	CCQ1722A	Bình Định	90	6.72	Khá				
27	2118110072	Lê Thị Thu	27/01/2000	Nữ	CCQ1811A	Đồng Nai	92	6.98	Khá				
28	2118110012	Lưu Đức	09/11/2000	Nam	CCQ1811A	Thanh Hóa	92	6.85	Khá				
29	2118110015	Hoàng Văn Đạt	14/04/2000	Nam	CCQ1811A	Bình Phước	92	6.19	Trung Bình				
30	2118110019	Võ Tá Đức	21/10/1999	Nam	CCQ1811A	Đắk Lắk	92	6.51	Khá				
31	2118110023	Nguyễn Văn Hậu	07/12/2000	Nam	CCQ1811A	Phú Yên	92	7.52	Khá				
32	2118110028	Nguyễn Hữu Hoàng	29/01/2000	Nam	CCQ1811A	Gia Lai	93	6.28	Khá				
33	2118110046	Nguyễn Đình Nhi	08/08/2000	Nam	CCQ1811A	Phú Yên	92	7.24	Khá				
34	2118110051	Hồ Văn Phong	15/03/2000	Nam	CCQ1811A	Đắk Lắk	92	6.50	Khá				
35	2118110049	Nguyễn Ái Phong	01/01/2000	Nam	CCQ1811A	Gia Lai	92	7.12	Khá				
36	2118110052	Phạm Huỳnh Phú	14/04/2000	Nam	CCQ1811A	An Giang	92	6.66	Khá				
37	2118110069	Trương Trọng Thiện	19/06/2000	Nam	CCQ1811A	Bình Định	92	7.10	Khá				
38	2118110083	Lê Quốc Việt	17/03/2000	Nam	CCQ1811A	TP.HCM	92	7.96	Khá				
39	2118110086	Bùi Thị Như Ý	06/01/2000	Nữ	CCQ1811A	Tiền Giang	92	6.55	Khá				
40	2118110102	Trần Như Hạnh	08/07/1996	Nam	CCQ1811B	BRVT	92	6.18	Trung Bình				
41	2118110123	Vũ Quang Linh	13/02/2000	Nam	CCQ1811B	Đắk Lắk	92	7.04	Khá				
42	2118110135	Ngô Minh Nhật	28/01/2000	Nam	CCQ1811B	Bình Định	92	6.72	Khá				
43	2118110144	Phan Văn Quang	05/03/2000	Nam	CCQ1811B	Đắk Lắk	92	6.96	Khá				
44	2118110150	Lê Đỗ Đức Tân	16/12/1998	Nam	CCQ1811B	Đồng Nai	92	7.40	Khá				
45	2118110167	Võ Hoàng Bảo Vương	22/02/2000	Nam	CCQ1811B	Ninh Thuận	92	6.46	Khá				
46	2118110191	Nguyễn Minh Hiếu	29/03/2000	Nam	CCQ1811C	Phú Yên	92	7.11	Khá				
47	2118110196	Nguyễn Ngọc Huy	11/10/2000	Nam	CCQ1811C	Phú Yên	92	6.72	Khá				
48	2118110211	Huỳnh Thị Diễm My	15/11/2000	Nữ	CCQ1811C	Bến Tre	92	6.77	Khá				
49	2118110215	Nguyễn Trọng Nghĩa	07/05/1999	Nam	CCQ1811C	Tiền Giang	92	6.66	Khá				
50	2118110234	Võ Văn Tịnh	01/02/2000	Nam	CCQ1811C	Phú Yên	92	7.53	Khá				
51	2118110244	Tô Đình Trục	26/04/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	92	7.40	Khá				
52	2118110245	Lê Vạn Tuế	20/11/1998	Nam	CCQ1811C	Đắk Lắk	92	7.53	Khá				
53	2118110246	Lê Thanh Tuyền	10/09/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	92	6.32	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118110249	Trần Quang Vũ	14/11/2000	Nam	CCQ1811C	Quảng Ngãi	92	7.32	Khá				
55	2118110258	Nguyễn Tấn Dũng	21/04/1999	Nam	CCQ1811D	Quảng Ngãi	92	6.65	Khá				
56	2118110268	Nguyễn Mạnh Hoàng	15/07/2000	Nam	CCQ1811D	Nghệ An	92	6.41	Khá				
57	2118110283	Nguyễn Tiến Long	15/03/2000	Nam	CCQ1811D	Lâm Đồng	92	7.26	Khá				
58	2118110306	Nguyễn Tấn Thành	11/04/2000	Nam	CCQ1811D	TP.HCM	92	7.93	Khá				
59	2118110322	Võ Văn Trọng	10/08/2000	Nam	CCQ1811D	Quảng Ngãi	92	6.25	Khá				
60	2118110330	Nguyễn Đức Quang	29/07/2000	Nam	CCQ1811D	TP.HCM	92	7.59	Khá				
61	2118110329	Nguyễn Hữu Vinh	15/10/2000	Nam	CCQ1811D	Tiền Giang	92	6.39	Khá				
62	2118110334	Lê Thị Thanh Xuân	28/07/2000	Nữ	CCQ1811D	TP.HCM	92	6.60	Khá				
63	2118110335	Lê Ngọc Trân Châu	13/02/2000	Nữ	CCQ1811E	TP.HCM	92	7.41	Khá				
64	2118110336	Trần Văn Chiến	01/06/1999	Nam	CCQ1811E	Đắk Lắk	92	7.15	Khá				
65	2118110342	Nguyễn Đặng Hoàng Dương	28/10/2000	Nam	CCQ1811E	Bình Định	93	6.47	Khá				
66	2118110349	Nguyễn Thanh Hậu	02/01/2000	Nam	CCQ1811E	Tây Ninh	92	7.64	Khá				
67	2118110356	Võ Thái Huy	10/10/2000	Nam	CCQ1811E	Bình Dương	93	6.21	Trung Bình				
68	2118110360	Hồ Đình Hữu	15/08/2000	Nam	CCQ1811E	Bình Thuận	92	7.22	Khá				
69	2118110382	Nguyễn Thị Thu Sương	09/08/2000	Nữ	CCQ1811E	Tiền Giang	92	6.65	Khá				
70	2118110390	Nguyễn Thị Thanh Thúy	01/02/2000	Nữ	CCQ1811E	TP.HCM	92	6.67	Khá				
71	2118110391	Bùi Minh Tiến	20/09/2000	Nữ	CCQ1811E	Thái Bình	92	7.09	Khá				
72	2118110399	Trần Công Tuấn	26/12/2000	Nam	CCQ1811E	Quảng Bình	92	6.58	Khá				
73	2118110407	Nguyễn Phạm Thúy Vy	23/05/2000	Nữ	CCQ1811E	Gia Lai	92	6.44	Khá				
74	2118110338	Trà Bảo Danh	26/08/2000	Nam	CCQ1822A	Bình Định	92	7.02	Khá				
75	2118220003	Lê Huỳnh Tuấn Dương	12/02/2000	Nam	CCQ1822A	Quảng Ngãi	92	7.24	Khá				
76	2118220004	Lê Vũ Tấn Đạt	23/03/1998	Nam	CCQ1822A	BRVT	92	6.80	Khá				
77	2118220008	Lê Minh Hải	19/04/1999	Nam	CCQ1822A	Đồng Nai	90	6.81	Khá				
78	2118220010	Bùi Đức Hòa	04/06/2000	Nam	CCQ1822A	Quảng Ngãi	92	6.87	Khá				
79	2118110121	Nguyễn Thành Lâm	04/08/1999	Nam	CCQ1822A	Đồng Nai	92	7.08	Khá				
80	2118220016	Trần Trọng Nghĩa	05/10/2000	Nam	CCQ1822A	BRVT	92	7.02	Khá				
81	2118220018	Lê Duy Quý	27/10/2000	Nam	CCQ1822A	Thanh Hóa	92	7.18	Khá				
82	2118220020	Phạm Văn Thanh	05/10/2000	Nam	CCQ1822A	Đắk Lắk	92	6.67	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 1 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
-----	-------	--------------	-----------	------	--------	----------	---------	-------	----------	-------------	----------	-----------	--------

TP.HCM, Ngày 11 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu